

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



**DƯƠNG THỊ HOA**

**TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ  
VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC  
PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
Chuyên ngành: Triết học**

**Hà Nội – 2016**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



**DƯƠNG THỊ HOA**

**TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ**  
**VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC**  
**PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**  
**Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**Chuyên ngành: Triết học**  
**Mã số: 60.22.03.01**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thúy Vân**

**Hà Nội - 2016**

## LỜI CẢM ƠN

Luận văn “*Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*”, được thực hiện tại trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thúy Vân

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới PGS.TS. Nguyễn Thúy Vân, người đã hướng dẫn, chỉ bảo tận tình, trực tiếp và thường xuyên giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài. Tôi cũng xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo phản biện đã góp nhiều ý kiến quý báu để luận văn của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi cũng xin cảm ơn tới các thầy cô giáo trong khoa triết học và Ban lãnh đạo Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn – Đại học quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành luận văn theo đúng kế hoạch.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng tri ân tới gia đình, bạn bè tôi, những người luôn bên cạnh, ủng hộ tôi trong quá trình thực hiện đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là kết quả nghiên cứu của riêng tôi.  
Nội dung và các trích dẫn nêu trong luận văn là trung thực

*Tác giả luận văn*

*Dương Thị Hoa*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	3
1. Lí do chọn đề tài.....	3
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài .....	4
3. Mục đích nghiên cứu của luận văn .....	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	9
5. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu .....	9
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	10
7. Kết cấu của luận văn .....	10
<b>PHẦN NỘI DUNG</b> .....	11
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CHO SỰ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NÓ</b> .....	11
<b>1.1. Điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của tư tưởng pháp trị Hàn Phi Tử</b> .....	11
<i>1.1.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội dẫn đến sự ra đời tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử</i> .....	11
<i>1.1.2. Tiền đề tư tưởng cho sự ra đời tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử</i> .....	16
<i>1.1.3. Cuộc đời và sự nghiệp của Hàn Phi Tử</i> .....	27
<b>1.2. Nội dung tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử</b> .....	30
<i>1.2.1. Quan niệm về lịch sử phát triển của xã hội</i> .....	30
<i>1.2.2. Quan niệm của Hàn Phi Tử về con người</i> .....	32
<i>1.2.3. Lý luận về Pháp</i> .....	37
<i>1.2.4. Lý luận về Thế</i> .....	41
<i>1.2.5. Lý luận về Thuật</i> .....	43
<i>1.2.6. Mối quan hệ giữa Pháp - Thế - Thuật</i> .....	46
<b>1.3. Đánh giá tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử</b> .....	50

<i>1.3.1. Giá trị tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử .....</i>	<i>50</i>
<i>1.3.2. Hạn chế của tư tưởng Pháp trị Hàn Phi Tử.....</i>	<i>52</i>
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....</b>	<b>55</b>
<b>CHƯƠNG 2. Ý NGHĨA TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY... Error! Bookmark not defined.</b>	
<b>2.1. Bối cảnh và những đặc điểm của Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<i>2.1.1. Bối cảnh xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay .....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>2.1.2. Những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<b>2.2. Ý nghĩa tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay ..Error! Bookmark not defined.</b>	
<i>2.2.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay trên tinh thần “thượng tôn pháp luật”. .....</i>	<i>Error!</i>
<b>Bookmark not defined.</b>	
<i>2.2.2. Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước. Error! Bookmark not defined.</i>	
<i>2.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ nhà nước đáp ứng nhu cầu của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay .....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<b>defined.</b>	
<i>2.2.4. Nâng cao ý thức người dân trong việc chấp hành pháp luật.....Error!</i>	
<b>Bookmark not defined.</b>	
<i>2.2.5. Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước .....</i>	<i>Error!</i>
<b>Bookmark not defined.</b>	

2.2.6. *Phát triển nền kinh tế, giữ vững sự ổn định của đất nước ta.....***Error!**

**Bookmark not defined.**

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2..... **Error! Bookmark not defined.**

**KẾT LUẬN**..... **Error! Bookmark not defined.**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... 104

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Ngày nay, cùng với xu thế phát triển tất yếu trên thế giới là hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa, Việt Nam cũng đã tham gia tích cực vào nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là đã ra nhập vào tổ chức thương mại thế giới (WTO), đẩy mạnh kinh tế phát triển, mở rộng giao lưu văn hóa với nhiều nước trên thế giới, làm cho nhiều quốc gia biết đến và mong muốn mở rộng giao lưu, hợp tác với Việt Nam. Trong tình hình đó đòi hỏi pháp luật Việt Nam cũng phải điều chỉnh, hoàn thiện hơn để đảm bảo cho các hoạt động thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các nước trên thế giới ngày càng thuận lợi đồng thời cũng phải phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam. Vì thế, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa là một nội dung vô cùng quan trọng đã được thể hiện qua các nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam và nó trở thành mục tiêu của toàn Đảng và nhân dân ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước Pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật”[9,131-132].

Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền đã có từ rất lâu trong thời cổ đại ở cả các phương Đông và phương Tây và đã được hiện thực hóa ở nhiều nước phương Tây. Tuy nhiên, đó là mô hình Nhà nước Pháp quyền Tư sản với nguyên tắc chủ yếu là phân quyền giữa các bộ phận quyền lực nhà nước. Trong khi đó, mô hình Nhà nước Pháp quyền mà chúng ta xây dựng là mô hình Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vì thế việc phải tham khảo thêm



các tư tưởng về Nhà nước và pháp luật để hoàn thiện thêm lý luận về mô hình này đang được đặt ra một cách cấp thiết. Học thuyết pháp trị của Hàn Phi Tử là một học thuyết chính trị - xã hội của Trung Quốc thời cổ đại. Với tư tưởng đề cao pháp luật, dùng pháp luật là công cụ quan trọng nhất để cai trị xã hội đã mang lại hiệu quả to lớn cho đất nước Trung Hoa trong thời kì loạn lạc, giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất được Trung Quốc sau nhiều năm chia cắt, bình ổn xã hội trong một giai đoạn dài. Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử không chỉ có giá trị trong giai đoạn lịch sử đó mà những nội dung tư tưởng của nó cũng để lại nhiều ý nghĩa cho các quốc gia phương Đông trong quá khứ và cho đến hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*”.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài**

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra những vấn đề cấp thiết phải có những giải pháp thích hợp trong việc quản lý xã hội bằng pháp luật, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu lý luận. Có thể chia các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận văn thành hai mảng cơ bản sau:

### **+ *Những nghiên cứu về tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử***

Giáo sư Phan Ngọc là người đã dịch và chú giải tác phẩm Hàn Phi Tử từ những năm 90 của thế kỉ trước từ đó ông đã có nhận định về tác phẩm của Hàn Phi Tử như sau: “đọc tác phẩm Hàn Phi Tử cách đây 2300 năm, nhưng ai cũng giật mình về tính thời sự của nó. Ta có cảm tưởng tác giả là người hiện nay, nói bằng ngôn ngữ và cách lý luận hôm nay, không chỉ ở Trung Hoa mà còn ở cả thế giới, trong đó có Việt Nam”[29,15]. Ông có những đánh giá rất cao về giá trị của tác phẩm Hàn Phi Tử. Trong lời giới thiệu về tác phẩm Hàn

Phi Tử, tác giả đã giới thiệu một cách tổng quan về thân thế, sự nghiệp và tư tưởng của Hàn Phi Tử. Những nội dung tư tưởng của Hàn Phi Tử về Pháp, Thuật, Thế được ông giới thiệu cùng với việc phân tích những ảnh hưởng của phái Nho giáo và Đạo giáo đã ảnh hưởng tới tư tưởng của Hàn Phi Tử như thế nào? Ông nhận định về Hàn Phi Tử: “ông là con người duy nhất của Trung Quốc thực hiện được một sự tổng hợp ba học thuyết Nho, Lão, Pháp, ở đó Nho là tài liệu xây dựng, Pháp là cái bản thiết kế, nhưng Lão mới là kỹ thuật thi công của cái ngôi nhà độc đáo”[29,17]. Tác phẩm Hàn Phi Tử của dịch giả Phan Ngọc mang tính văn học nhiều hơn là triết học nhưng thông qua việc dịch thuật tác giả đã mang đến cho các độc giả những cái nhìn khách quan, cũng nhờ việc dịch tác phẩm mà có nhiều bài, các công trình nghiên cứu viết về Hàn Phi Tử đã ra đời.

“*Hàn Phi Tử*” của tác giả Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi là một tác phẩm đi vào phân tích tương đối chi tiết về tư tưởng của Hàn Phi Tử, với phần đầu là nghiên cứu và phần sau là trích dịch, thông qua việc phân tích tình hình xã hội Trung Hoa cổ đại lúc bấy giờ vào thời Xuân Thu – Chiến Quốc, tác giả đã phân tích về các nhà tư tưởng pháp gia trước Hàn Phi Tử, là những tiền đề cho tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử ra đời. Trên cơ sở lý giải các vấn đề về tình hình kinh tế chính trị, các tác giả đi vào phân tích tư tưởng Hàn Phi Tử về các mặt như quan niệm về thế giới, sự vận động phát triển của lịch sử xã hội cũng như con người, về “pháp”, “thế”, “thuật”. Trong phần thứ hai, tác giả đi vào dịch thuật một số chương mà theo các tác giả nhận định đó mới chính là tư tưởng của Hàn Phi Tử.

Tác phẩm “*Tư tưởng pháp trị của pháp gia với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*” của các tác giả Doãn Chính và Nguyễn Văn Trịnh (Nxb. Chính trị Quốc gia, 2007) đã nêu lên cơ sở xã hội và những điều kiện hình thành tư tưởng pháp trị của pháp gia, khái quát những nội dung tư

tưởng pháp trị của của pháp gia về Pháp – Thuật – Thế trong tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử, đưa ra những đánh giá về những giá trị cũng như những hạn chế trong các tư tưởng đó. Các tác giả đi vào phân tích những ảnh hưởng của tư tưởng pháp trị đối với lịch sử Việt Nam qua các triều đại phong kiến đồng thời phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay và những bài học lịch sử.

“*Tư tưởng Hàn Phi*” (2003), luận án tiến sĩ triết học của Vũ Kim Dung, ngay từ cái tên đã cho chúng ta thấy được nội dung nghiên cứu của tác giả về toàn bộ tư tưởng của Hàn Phi Tử. Luận án phân tích tư tưởng Hàn Phi Tử trong hai phương diện về chính trị và triết học. Tác giả phân tích những tiền đề về kinh tế xã hội cho sự hình thành trong tư tưởng của ông trong đó đặc biệt tác giả nhấn mạnh đến vai trò của nền kinh tế xã hội thời Xuân Thu – Chiến Quốc, theo tác giả thì đây là thời kì tan rã của chế độ lãnh chúa chuyển sang chế độ phong kiến sơ kì, ảnh hưởng của thời kì này đã tạo nên tư tưởng của Hàn Phi Tử. Về tư tưởng tác giả đi phân tích tư tưởng của Hàn Phi Tử trong mối liên hệ và sự tiếp thu, kế thừa các tư tưởng của trường phái Nho gia (kế thừa thuyết tính ác của Tuân Tử) và Đạo gia (kế thừa quan niệm về “Đạo” và “vô vi” của Lão Tử) và tư tưởng của các nhà pháp gia trước đó như Thận Đáo, Thân Bất Hại, Thương Ưởng. Thông qua việc nghiên cứu về tư tưởng của Hàn Phi Tử tác giả chỉ ra được những ảnh hưởng của tư tưởng Hàn Phi Tử trong lịch sử và nhận thấy những tư tưởng ấy vẫn còn rất nhiều ý nghĩa đối với xã hội hiện đại.

Luận án tiến sĩ của Trương Văn Huyền (2013), với đề tài “*Tư tưởng chính trị của Hàn Phi Tử*”, tác giả đã đi nghiên cứu về tư tưởng Hàn Phi Tử dưới góc độ chính trị. Tác giả phân tích những bối cảnh xã hội lúc bấy giờ và những tiền đề cơ sở lý luận đã hình thành nên tư tưởng Hàn Phi Tử. Trong tư

tưởng của Hàn Phi Tử tác giả quan tâm tới tư tưởng của Hàn Phi Tử trong tính tất yếu phải thay đổi phương thức cai trị trong đó việc kết hợp giữa ba tư tưởng về Pháp – Thuật – Thế được xem là tư tưởng quan trọng của Hàn Phi Tử nó đã đưa tư tưởng Pháp gia lên ngang hàng với những tư tưởng lúc bấy giờ. Tác giả cũng đặc biệt quan tâm tới con người chính trị trong quan điểm của Hàn Phi Tử với những cấp độ nghiên cứu về “vua”, “bầy tôi” và “người dân”. Cùng với đó là đi đến những đánh giá về những giá trị và những hạn chế trong tư tưởng của Hàn Phi Tử.

Tác giả Đỗ Đức Minh với bài viết “*Hàn Phi Tử - người sáng lập học thuyết pháp trị Trung Hoa cổ đại*” (Tập chí luật học số 3, 2010). Nguyễn Thị Kim Bình, “*Tư tưởng trị nước của Pháp gia và vai trò của nó trong lịch sử*” (Tập chí khoa học công nghệ, đại học Đà Nẵng, số 3, 2008). Nguyễn Hữu Phước, “*Bốn nguyên tắc dùng pháp của trường phái pháp gia và ý nghĩa hiện thời của nó*” (Tập chí triết học số 3, 2015). Các tác giả đều đi nghiên cứu về lịch sử hình thành của pháp gia và thống nhất quan điểm Hàn Phi Tử là người tập đại thành tư tưởng pháp gia. Đi vào phân tích những tư tưởng pháp trị của ông về Pháp – Thuật – Thế, đánh giá những hạn chế cũng như những giá trị trong tư tưởng của ông những đóng góp của tư tưởng pháp trị của ông có giá trị to lớn trong quá trình phát triển của Trung Quốc cũng như có những giá trị gợi mở trong việc xây dựng hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay.

+ ***Những nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay:***

Nguyễn Văn Mạnh, “*Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam – lý luận và thực tiễn*” (Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010). Đây là cuốn sách chuyên khảo gồm hai phần, trong phần cơ sở lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tác giả có đi phân tích làm rõ cơ sở hình thành và những quan điểm tư tưởng về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tiếp đó tác giả đưa ra những đặc trưng cơ bản về nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trong phần thứ hai, tác giả chỉ ra những thành tựu và những hạn chế trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đồng thời đưa ra các giải pháp để đẩy mạnh việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Trong đó vấn đề phát huy dân chủ trong nhà nước pháp quyền và xây dựng nền kinh tế thị trường cũng là một trong những giải pháp căn bản.

Nguyễn Trọng Thóc với *“Xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân”* (Nxb. Chính trị Quốc gia, 2005), Đoàn Trọng Tuyển với *“Cải cách hành chính và công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”*, (Nxb Tư pháp, 2007)... đây là những công trình nêu lên những nội dung lý luận và thực tiễn quan trọng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Các tác giả đã tổng hợp những kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền, về nền hành chính trên cơ sở học thuyết Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích thực trạng của nền hành chính nước ta và đưa ra một số kiến nghị phục vụ cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Ngoài ra, có thể kể đến các bài viết: *“Một số vấn đề lý luận về nhà nước pháp quyền và giá trị tham khảo đối với Việt Nam”* của Hoàng Văn Nghĩa (Tạp chí lý luận chính trị, số 2, 2014), *“Khái niệm nhà nước pháp quyền từ cách tiếp cận triết học”* của Nguyễn Thúy Vân (Tạp chí triết học số 9, 2013), bài viết của Trần Ngọc Đường *“Cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* (Tạp chí cộng sản, số 5, 2005), *“Nâng cao tính pháp quyền của nhà nước vì mục tiêu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”* của Nguyễn Như Phát, Phạm Hữu Nghị (Tạp chí nhà nước và pháp luật số 4, 2010)...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đi nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay và

về tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử và ý nghĩa lịch sử của tư tưởng Hàn Phi Tử, các công trình đã thu được những kết quả nhất định. Những kết quả này là nguồn tài liệu có giá trị trong việc triển khai nội dung nghiên cứu của luận văn. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay thì chưa có nhiều công trình nghiên cứu nó từ cách tiếp cận triết học. Đây là hướng luận văn hướng tới để nghiên cứu.

### **3. Mục đích nghiên cứu của luận văn**

Mục đích: Luận văn hệ thống hóa những nội dung cơ bản tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử, từ đó chỉ ra ý nghĩa của tư tưởng này đối với xây dựng Nhà nước Pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Nhiệm vụ:

- Phân tích những tiền đề, điều kiện dẫn đến sự ra đời tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử.
- Phân tích những nội dung cơ bản tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử.
- Chỉ ra những ý nghĩa tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử đối với việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử qua tác phẩm “Hàn Phi Tử” do Phan Ngọc dịch.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận: Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng của Hồ Chí Minh cùng với quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề Nhà nước Pháp quyền.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương luận của chủ nghĩa Mác – Lênin như phương pháp khái quát hóa, phương pháp logic – lịch sử, phương pháp phân tích, tổng hợp... nhằm đạt hiệu quả trong quá trình nghiên cứu đề tài này.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Những kết quả đạt được trong luận văn là sự bổ sung cho quá trình nghiên cứu về lịch sử tư tưởng của trường phái pháp gia ở Trung Quốc thời kỳ cổ đại, đặc biệt là tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo khi nghiên cứu triết học và các ngành khoa học khác trong phạm vi có liên quan tới đề tài.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 2 chương, 5 tiết.

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1. NHỮNG ĐIỀU KIỆN, TIỀN ĐỀ CHO SỰ RA ĐỜI TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NÓ

#### 1.1. Điều kiện, tiền đề cho sự ra đời của tư tưởng pháp trị Hàn Phi Tử

##### *1.1.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội dẫn đến sự ra đời tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử*

Lịch sử Trung Quốc thời Xuân Thu – Chiến Quốc với bối cảnh kinh tế và xã hội trong thời kì này đã có những tác động tới sự phát triển của các tư tưởng pháp trị trong việc trị quốc “biến động cơ sở kinh tế và sự phát triển của đấu tranh giai cấp ở thời kì Xuân Thu khiến chế độ pháp luật nảy sinh những biến đổi lớn lao, pháp chế thời nô lệ dần dần bị thay thế bởi pháp chế phong kiến, trong đó lấy việc bảo hộ chế độ tư hữu phong kiến làm trung tâm”[4,87]. Kinh tế và đời sống vật chất của xã hội phát triển chính là nhân tố quyết định cơ bản nhất của pháp luật và hình thành những tư tưởng pháp luật đầu tiên của Trung Quốc thời kì cổ đại. Trong đó có sự ra đời của tư tưởng Hàn Phi Tử gắn liền với sự phát triển của xã hội Trung Quốc thời kì cổ đại với những biến đổi về các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội đã tác động không nhỏ tới sự hình thành tư tưởng của ông.

Về kinh tế: Việc phát hiện ra sắt và sử dụng sắt chính là một trong những phát kiến thúc đẩy nền kinh tế thời kì này phát triển lên một tầm cao mới. Theo các nhà khảo cổ học việc sử dụng đồ sắt đã được sử dụng tương đối phổ biến ở Trung Quốc trong thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc “Theo các sử gia thì thời tịch cổ nhất nói về kỹ thuật nấu sắt viết vào năm 513 Tr. CN, mà theo những cuộc khai quật gần đây thì những đồ bằng gang xuất hiện vào



khoảng đầu thế kỉ thứ V Tr. CN. Vậy có thể nói rằng thời đại đồ sắt của Trung Hoa bắt đầu vào khoảng 500 năm trước tây lịch, mà kĩ thuật nấu sắt ở Trung Hoa có trước phương Tây non 1.600 năm”[14,92]. Đồ sắt đã được phát hiện và sử dụng khá phổ biến, tạo điều kiện cho kĩ thuật canh tác phát triển. Sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất, có nhiều công cụ bằng sắt đã ra đời như: lưỡi cày, cuốc, búa, liềm và một số khuôn đúc bằng sắt sử dụng trong các ngành nghề khác nhau giúp tăng năng xuất, đời sống người dân được cải thiện. Tình hình kinh tế phát triển đã dẫn tới những thay đổi trong kết cấu giai cấp xã hội đặc biệt là những biến động về hình thức sở hữu ruộng đất. “Nhờ lưỡi cày bằng sắt, nhờ biết dùng bò để kéo cày, mà cày sâu hơn, nhanh hơn, đỡ tốn sức hơn. Người ta lại biết bỏ phân, làm hai mùa, đào kinh dẫn nước. Nước chư hầu nào cũng muốn phú cường để thôn tính các nước bên cạnh, mà muốn phú cường thì trước tiên phải khuyến khích canh nông, nghĩa là phải vừa cải tiến phương pháp canh tác vừa khuyến khích khai phá đất đai mới, vừa thay đổi cách đánh thuế”[16,11]. Việc chia đất cho dân cày (chế độ tình điền), trong giai đoạn đầu khi đất còn rộng, dân còn thưa thì người dân vẫn còn ít nhiều thu được lợi cho mình nhưng người dân làm dưới chế độ này ngày ngày vất vả vì phải phục vụ cho các lãnh chúa, không được tự do canh tác, mất mùa, chiến tranh xảy ra liên miên khiến họ không đủ ăn, đủ mặc. Thương Ưởng với tâm pháp bỏ chế độ tình điền thay vào đó là khuyến khích người dân khai hoang đất đai, mở rộng diện tích làm cho kinh tế phát triển. Việc khai hoang đất đai, mở rộng diện tích đất canh tác, thực hiện thâm canh tăng năng xuất làm cho sản lượng nông nghiệp ngày càng tăng lên nhanh chóng người dân đã có thể tích trữ sản phẩm do mình làm ra. Kéo theo đó là các ngành thủ công nghiệp phát triển hơn trước xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới như nghề luyện sắt, nghề sơn, nghề muối, ở một số nước chư hầu đã

đặt ra các chức quan cai quản chuyên quản lí về sắt và muối. Nhờ sự xuất hiện các công cụ bằng sắt nghề mộc cũng đã phát triển nhanh chóng việc đóng tàu thuyền dễ dàng hơn, việc đi lại trên sông, trên biển thuận lợi. Người dân có thể trao đổi hàng hóa giữa các vùng miền dễ dàng, các loại nông sản, hải sản, chăn nuôi thủ công nghiệp. Bên cạnh đó, các công trình thủy lợi trong thời kì này cũng được coi trọng, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng để ngăn nước lũ, tích trữ nước cho việc tưới tiêu bên cạnh đó nó còn đóng vai trò quan trọng trong việc giao thông vận tải nối liền các tỉnh thành với nhau thuận tiện cho người dân đi lại buôn bán.

Trong giai đoạn này xuất hiện các nhà buôn có số vốn lớn đã đầu cơ, tích trữ lũng loạn thị trường. Tiền tệ phát triển được sử dụng rộng rãi để trao đổi hàng hóa, đóng thuế và cho vay lấy lãi, phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng cao. Từ những biến động mạnh mẽ của nền kinh tế thì các tầng lớp trong xã hội cũng có những sự thay đổi, sự phân hóa giai cấp ngày càng rõ rệt hơn, trong giai đoạn này tầng lớp thương nhân có tiền đã có thể thuê nhiều lao động làm việc, họ trở nên nhàn rỗi, có nhiều thời gian hơn từ đó họ quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề chính trị, biết lợi dụng chính trị để tạo ra những lợi ích cho công việc buôn bán của mình.

Về chính trị - xã hội: Đời nhà Chu chia làm hai thời kì, giai đoạn đầu mới hình thành đóng đô ở đất Phong, đất Cáo thuộc về phía tây nên gọi là Tây Chu(1134-770 tr. CN). Tới thời Chu Bình Vương rợ Hiểm Doãn và rợ Khuyển Nhung uy hiếp phải rời đô sang Lạc Dương ở phương Đông nên gọi là Đông Chu (770-221). Sau khi rời đô sang phía Đông thì nhà Chu dần suy yếu, quyền lực của lãnh chúa phong kiến bị lung lay. Mệnh lệnh thiên tử nhà Chu không còn được tuân thủ, trật tự lễ nghĩa kỉ cương trong xã hội bấy giờ bị đảo lộn, đạo đức suy đồi. Cạnh tranh giữa các thế lực cát cứ đẩy xã hội Trung

Hoa cổ đại vào tình trạng chiến tranh liên miên. Tình hình xã hội ngày càng hỗn loạn, nhà Chu đã đi vào con đường suy tàn, những mâu thuẫn nội bộ trở nên gay gắt, chế độ tông pháp và trật tự của nhà Chu không còn được duy trì. Như vậy, trong thời kì này ở mỗi nước chư hầu cũng đã có những tư tưởng đường lối cai trị thức thời, cùng với sự phát triển về kinh tế xã hội đã hình thành nên nhu cầu tách mình ra khỏi nhà Chu, thành lập cho mình một quốc gia độc lập, riêng rẽ. “Xã hội Trung Hoa cuối thời Xuân Thu diễn ra sự rối loạn về quan hệ đẳng cấp và danh phận, quan hệ tông pháp. Tình trạng tột giết vua, cha con tranh giành quyền lợi với nhau, anh em mâu thuẫn nhau là thường thấy. Nước Lỗ thời Xuân Thu có trên 30 vụ thí quân. Nếu tính đến cả nước khác thì có đến trên 300 vụ” [37,19]. Ở đầu thời kì Xuân Thu một số nhà tư tưởng vẫn coi trọng đường lối chính trị nhân nghĩa như chủ trương dùng nhân nghĩa để cai trị dân như tư tưởng về “nhân - lễ - chính danh” của Khổng Tử, trong thời đại của ông khi mà chế độ tông pháp nhà Chu đã suy tàn, ông đưa ra giải pháp đó là cải thiện chế độ phong kiến nhà Chu, giáo dục đạo đức con người. “Giải pháp của Khổng Tử đối với việc cai trị để ổn định xã hội xuất phát từ chủ trương tông Chu đến thuyết chính danh và sau cùng là chính sách nhân trị” [37,24]. Khác với tư tưởng “tông Chu” của Khổng Tử thì Mặc Tử phê phán chủ trương về nhân nghĩa của Khổng tử vì ông cho rằng ở đó vẫn có sự phân biệt giữa con người với nhau, ông chủ trương về thuyết “kiêm ái”, mọi người trong xã hội ai cũng phải yêu thương nhau, xã hội không còn chiến tranh, cướp bóc. Hay tư tưởng của Lão tử về “đạo”, “vô vi” khi hướng con người trở về với một xã hội xưa cũ, thuận theo thiên nhiên mà hành động, một xã hội không có chiến tranh. Với quốc gia lý tưởng của ông là một nước nhỏ, ít dân cuộc sống tự cung, tự cấp như thế thì sẽ không còn tình trạng hỗn loạn nữa. Nhưng những tư tưởng ấy của các ông khi tồn tại trong

thời kì Chiến Quốc, xã hội trở nên bất ổn, nó không còn phù hợp nữa. Cả cuộc đời của mình Khổng Tử đi tìm một vị vua đạo đức xứng đáng với Nghê, Thuấn mang đức độ mà lập lại hòa bình thịnh vượng cho người dân nhưng với tư tưởng bảo thủ của mình ông không thể nào tìm cho mình được một ông vua xứng đáng để đến cuối đời phải thốt lên rằng “chim phượng hoàng không bay đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện đồ thư, một đời ta thế là hết”[43,286] còn Mặc Tử, Lão Tử thì khuyến khích con người đem tình yêu thương và lối sống “vô vi” vào trong hiện thực nhưng chưa có ai thành công, nâng cao được chất lượng cuộc sống của nhân dân được bằng những chính sách thực tiễn của các nhà tư tưởng pháp gia như Quản Trọng làm cho nước Tề trở nên vững mạnh nhờ vào việc phát triển công thương nghiệp, coi trọng việc lập pháp và hành pháp, phát triển quân đội khiến cho Khổng Tử cũng phải tới hai lần ca ngợi công lao, như Thương Ưởng làm cho nước Tần cải cách pháp luật, phát triển kinh tế làm cho nước Tần từ một quốc gia yếm thế trở nên mạnh mẽ có thể thôn tính, mở rộng đất đai khiến cho các nước khác phải cúi đầu run sợ, nhờ tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử mà đã giúp cho Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa sau khoảng thời gian dài chia cắt, bỏ qua những hạn chế trong việc vận dụng quá triết để tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử chúng ta nhìn vào cái đích mà Tần Thủy Hoàng đã đạt được đó thống nhất quốc gia, thì nếu không dùng pháp trị mà vận dụng tình yêu, kêu gọi các nước ngừng chiến kí kết hiệp định hòa bình để thống nhất đất nước thì có thể có được Trung Quốc như ngày hôm nay hay đó chỉ là chính sách cải lương thì đến bao giờ mới có một Trung Quốc thống nhất. Như vậy, việc Hàn Phi Tử chối bỏ tư tưởng Nho gia để hướng tới cánh cửa pháp gia đó chính là một bước ngoặt lớn thay đổi cục diện của lịch sử.

### ***1.1.2. Tiền đề tư tưởng cho sự ra đời tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử***

Hàn Phi Tử là một tư tưởng lớn của phái pháp gia, tuy ông không phải là người sáng lập ra trường phái pháp gia nhưng lại là người có công tổng hợp và hoàn thiện những lý luận của trường phái này. Để nghiên cứu về ông một cách sâu sắc hơn nữa thì chúng ta cũng cần đi tìm hiểu thêm về những tiền đề tư tưởng của các nhà tư tưởng trước đó đã có những ảnh hưởng tích cực tới việc hình thành tư tưởng của Hàn Phi Tử.

***Quản Trọng***(? – 645 tr. CN) tên là Di Ngô, người đất Dĩnh Thượng, nước Tề, cho tới nay người ta không biết ông sinh vào năm nào chỉ biết ông xuất thân trong tầng lớp bình dân, sau này làm tướng quốc cho vua Tề Hoàn Công tới năm 645 tr. CN thì mất. Cùng với những tư tưởng pháp trị của mình ông đã xây dựng nước Tề trở nên vững mạnh. Tư tưởng của ông được ghi lại trong bộ *Quản Tử* với những nội dung về việc ban hành luật pháp và những vấn đề cho việc trị quốc.

Theo ông thì việc lập pháp là do nhà vua quyết định, nhưng việc lập pháp cũng phải lấy tình người và phép trời để làm tiêu chuẩn. Luật pháp cần phải ban bố công khai, rõ ràng, ít thay đổi. Trước pháp luật theo ông tất cả mọi người đều giống nhau, không phân biệt thứ bậc, ai làm sai đều phải chịu tội trước pháp luật.

Ông đề cao vai trò của người dân trong việc trị quốc, tạo mọi điều kiện cho người dân phát triển tự do kinh doanh, mở rộng thương nghiệp, coi việc người dân làm giàu cho mình cũng chính là làm giàu cho đất nước. Không những thế trong việc trị nước ông còn tiến cử những người có tài năng không coi trọng xuất thân, miễn là có tài ra giúp nước thì đều được trọng dụng. Ông là người coi trọng việc phát triển kinh tế của đất nước “coi phú quốc bình cường”, chính là mục đích trị quốc của mình, ông coi trọng công thương nghiệp ngang với việc phát triển nông nghiệp đương thời. Xây dựng quân đội lớn mạnh với chính sách “ngụ binh ư nông”.

Trong việc trị nước ông có rất nhiều tư tưởng tiên bộ, có thể coi ông chính là người khởi nguồn của trường phái pháp gia mà sau này chúng cũng đã góp phần xây dựng nên không chỉ một nước Tề vững mạnh còn là bài học cho các nhà tư tưởng pháp gia sau này “cho nên chúng ta có thể coi ông là thủy tổ của Pháp gia mà cũng là chiếc cầu nối Nho gia với Pháp gia, biết dung hòa thực tế với lý tưởng, trọng kinh tế, võ bị mà cũng biết lễ nghĩa, nhân tín”[16,45].

**Tử Sản** (? – 523 tr. CN) tên thật là Công Tôn Kiều, là một quý tộc của nước Trịnh, ông cầm quyền nước Trịnh từ năm 544 tr. CN tới năm 523 tr. CN thì mất. Tử Sản là người có lòng ái quốc và ông có chủ trương không dùng võ lực mà dùng ngoại giao để xây dựng đất nước.

Là người có tư tưởng duy vật khi ông phản đối những việc mê tín dị đoan trong nhân dân, xem trọng con người, yêu thương nhân dân. Trong việc trị nước, theo ông thì luật pháp cần được áp dụng và phổ biến rộng rãi cho tất cả mọi người biết đến, khi đưa ra luật lệ mới thì người dân cũng có quyền góp ý, bàn bạc để sửa đổi luật cho phù hợp với đời sống của nhân dân. Là một người thương dân, quan tâm tới suy nghĩ của dân và để cho pháp luật trở nên khách quan hơn trước, ông cho đúc “hình thư” làm cho dân có thể đọc được các luật lệ một cách rõ ràng nhận thức được đúng luật pháp bảo đảm quyền lợi cho mình, nhưng bên cạnh đó theo ông cũng cần áp dụng pháp chế một cách triệt để, những người có tội cần phải phạt thật nặng bởi vì “phải lấy sự nghiêm khắc để cai trị người. Hình thức của lửa nghiêm cho nên người ta ít bị cháy. Hình thức của nước mềm yếu cho nên người ta dễ chết đuối. Nhà người phải làm cho hình phạt của mình nghiêm khắc đừng khiến cho người ta chết đuối vì cái mềm yếu của nó”[29, 273]. Từ những tư tưởng tiên bộ của Tử Sản mà sau này các nhà pháp trị và Hàn Phi Tử đã chịu ảnh hưởng bởi những tư tưởng tiên bộ của ông trong việc trị nước, ban bố pháp luật rộng rãi trong nhân dân.

**Thân Bất Hại:** (401-337 tr. CN) ông thuộc gia cấp địa chủ, là người đất Kinh thuộc nước Trịnh, ông là tướng quốc của nước Hàn dưới thời của Hàn Chiêu Hầu (do lúc này nước Trịnh đã bị nước Hàn thôn tính). Ông làm tướng quốc nước Hàn trong điều kiện đất nước nhỏ, đất đai khô cằn, dân nghèo đói, đất nước đang trong thời kì xây dựng còn nhiều tồn tại, mâu thuẫn giữa những luật lệ cũ chưa được loại bỏ đã đề ra những luật mới làm cho đất nước trở nên rối loạn. Thân Bất Hại với chủ trương ly khai “đạo đức”, chống “lễ nhạc”, ông đề cao tính khách quan của luật pháp, ông đã dùng “thuật” và thuyết “hình danh” xây dựng nước Hàn trở thành nước mạnh và không bị quốc gia nào xâm lấn.

Theo ông chỉ có quy định của pháp luật mới là tiêu chuẩn cho mọi quan hệ trong xã hội, ông đề cao ý chí chủ quan của con người và lấy đó là tiêu chuẩn điều chỉnh hành vi giữa người với người trong xã hội. Pháp luật là để bảo vệ mối quan hệ giữa con người, quản lý trật tự xã hội và duy trì những hoạt động kinh tế thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Ông là người đề cao “thuật” trong phép trị nước mà sau này Hàn Phi Tử đã tiếp thu xây dựng tư tưởng của mình và nâng nó lên một tầng cao mới. Thông qua các thiên “Định pháp” và “Ngoại trừ thuyết hữu thượng” của Hàn Phi Tử ta có thể thấy Thuật của Thân Bất Hại là thủ đoạn cầm quyền của nhà vua trong việc dùng người trị nước, nó giúp cho nhà vua tuy làm ít nhưng biết gọi việc cho bề tôi làm nhiều, giao chức quan mà đòi hỏi thành quả bởi nhà vua là người nắm cái quyền cho sống và giết chết nên chỉ cần hiểu năng lực của bề tôi mà giao việc cho làm. Theo Thân Bất Hại làm quan thì phải làm tròn bổn phận của mình không được vượt quá chức vụ, quyền hạn của mình, Hàn Phi Tử nhận định điều này là đúng nhưng ông lại phản đối tư tưởng biết sai mà không nói của Thân Bất Hại, vì vua dựa vào quan để cai trị nên vua cũng phải có thuật thính ngôn để trị nước.

**Thận Đáo:** (370-290 tr. CN) là một tư tưởng gia nước Triệu. Ông chịu ảnh hưởng của một số tư tưởng triết học về Đạo của Lão tử nhưng trong việc trị quốc ông lại đề cao vai trò của pháp luật.

Theo ông chỉ có tính khách quan của pháp luật mới khắc phục được tính chủ quan của những nhà cầm quyền. Ông là người chủ trương trọng “thế”. “Thế” theo ông được hiểu là địa vị, vị trí trong xã hội của người cai trị được xã hội thừa nhận. Ông đề cao sức mạnh của quyền thế và địa vị “con rồng bay cuối mây, con rắn lượn bay trong sương mù. Mây tan mù tạnh, thì con rồng con rắn cũng chẳng khác gì con kiến vì đã mất chỗ dựa vào. Người hiền mà phải chịu khuất phục trước kẻ hư hỏng, đó là vì quyền mình nhẹ, địa vị mình thấp. Người hư hỏng mà có khuất phục được người hiền, đó là vì quyền cao, địa vị mình cao. Nghiêu là kẻ thất phu thì không cai quản được ba người, còn Kiệt làm thiên tử thì có thể làm loạn cả thiên hạ”[29,467]. Từ đó có thể thấy cái Thế có vai trò quan trọng, nhờ cái Thế mà “kẻ ngu” cũng có thể trị vì thiên hạ, khuất phục người hiền.

Ông chủ trương tập quyền, nhà vua là người phải nắm chắc quyền lực trong tay thì mới có thể cai trị được đất nước, cầm kết bè kết đảng, bè tôi phải trung thành với vua và tuân theo pháp luật. Như vậy, pháp luật là công cụ hữu hiệu của kẻ cầm quyền. Pháp luật là yếu tố không thể thiếu trong việc trị quốc. Điều này là đúng nhưng không đầy đủ, vì quyền ấy cần phải căn cứ trên tiêu chuẩn của pháp luật đã định sẵn mà pháp luật thì phải dựa trên ý chí của người dân như vậy, thì cái Thế mới duy trì được lâu dài. Cho nên Hàn Phi Tử đã kế thừa có chọn lọc tư tưởng về Thế của Thân Bất Hại và nâng nó lên một tầng cao mới khi kết hợp hài hòa giữa ba yếu tố Thế - Pháp - Thuật trong trị nước.

**Thương Ưởng** (390 – 338 tr. CN), ông là người nước Vệ, thuộc dòng dõi quý tộc sa sút, tên thật là Công Tôn Ưởng, ông sang Tần giúp vua Tần trong việc cải cách lại pháp luật phát triển kinh tế, học thuyết pháp trị của ông



đã đưa ông lên tới chức tướng quốc nước Tần. Ông là người đề cao việc dùng Pháp. Ông đặc biệt coi trọng việc quy định hình pháp, biến pháp và dùng thưởng phạt trong việc trị nước. Trong thời gian làm tướng quốc ở nước Tần ông đã có những biện pháp cải cách pháp luật và hành chính nhà nước. Biến nước Tần từ một nước nghèo nàn lạc hậu trở nên hùng mạnh nhất trong các nước chư hầu.

Nhận thấy được pháp luật chính là sự phản ánh của đời sống xã hội nên pháp luật tùy theo thời mà có những biến đổi. Trong thời gian làm tướng quốc nước Tần ông thực hiện hai cuộc cải cách. Lần thứ nhất, ông khuyến khích nhân dân phát triển nông nghiệp, cải cách hành chính đặc biệt là thực hiện chính sách cáo gian, đặt ra lệnh năm nhà thành “một ngũ”, mười nhà thành “một thập” trông coi lẫn nhau, thấy kẻ gian thì phải tố cáo, người tố cáo thì được thưởng, kẻ bao che thì bị phạt. Pháp luật phải được ban bố khắp đất nước, không phân biệt giai cấp ai cũng phải chấp hành việc thực thi pháp luật. Pháp luật nghiêm minh, khi ban bố ra rồi thì mọi người phải thi hành, không được bàn tán nữa, không được dùng những lời lẽ khéo léo để làm sai pháp luật thu lợi cho mình. Theo ông tội dù có nhẹ thì cũng phải chịu hình phạt thật nặng để cho dân sợ, “dĩ hình khử hình” dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạt. Và theo ông thì việc người ta làm điều thiện thì đó chính là bản phận của con người do đó không cần phải thưởng.

Lần cải cách thứ hai, ông đưa ra những cải cách về mặt hành chính và tài chính, thống nhất về việc thu thuế, dụng cụ đo lường và khuyến khích người dân khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp, chia đất nước thành nhiều quận huyện khác nhau. Ông coi trọng nông nghiệp nhưng lại coi thường học thuật, công nghệ và thương mại, ông cho điều đó là vô dụng cho việc phát triển đất nước, ông khuyến khích nông dân khai khẩn đất đai và cho họ quyền làm chủ. Bên cạnh đó ông cũng bắt dân làm lính. Toàn bộ dân chúng chia làm

ba lớp quân, đàn ông thì được cho ăn nhiều, luyện tập để chuẩn bị cho chiến đấu, phụ nữ cũng được ăn nhiều, để đắp thành và chờ lệnh, còn trẻ em và người già sức yếu thì lui về sau để chăn nuôi gia súc, làm nông nghiệp tiếp tế lương thực cho quân lính chiến đấu.

Như vậy, tư tưởng pháp trị của Thương Ưởng với những chủ trương về Pháp có ảnh hưởng tích cực tới những nhà Pháp gia sau này, Hàn Phi Tử đã có nhận xét rằng “ Công Tôn Ưởng cai trị nước Tần, đặt ra quy chế tổ cáo lẫn nhau để xét sự thực, cho các nhà kết thành từng nhóm năm nhà, mười nhà cùng nhau chịu tội, thưởng hậu mà chắc chắn, hình phạt nặng mà dứt khoát. Vì vậy dân chúng dùng sức vất vả mà không nghỉ ngơi, đuổi theo quân địch nguy hiểm mà không lùi. Nhờ vậy nước giàu, quân mạnh”[29, 480]. Nhưng Hàn Phi Tử cũng chỉ ra điểm yếu của Thương Ưởng khi ông chưa biết kết hợp với yếu tố Thuật và Pháp trong việc trị nước nên kẻ gian có cơ hội mưu lợi cho mình.

### **Học thuyết của Nho giáo và Đạo giáo**

Từ việc tiếp thu tư tưởng của các tác gia trên, tư tưởng Hàn Phi Tử còn có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa Nho giáo và Đạo giáo. Trong lời giới thiệu của tác phẩm Hàn Phi Tử giáo sư Phan Ngọc đã có những nhận định “ông là con người duy nhất của Trung Quốc thực hiện được một sự tổng hợp ba học thuyết Nho, Lão, Pháp, ở đó Nho là tài liệu xây dựng, Pháp là cái bản thiết kế, nhưng Lão mới là kỹ thuật thi công của cái ngôi nhà độc đáo”[29,17].

### ***Tư tưởng tôn quân và thuyết chính danh:***

Tư tưởng tôn quân là tư tưởng của Nho giáo khởi xướng trong tình hình xã hội ngày càng rối ren, các nước chư hầu thi nhau tranh quyền, tranh bá muốn đoạt quyền lực của thiên tử. Trong lúc này địa vị nhà Chu ngày một trở nên suy yếu đây chính là nguyên nhân dẫn đến xã hội loạn lạc, các nhà Nho trong giai đoạn này đều chủ trương tôn quân quyền, họ đề cao uy thế nhà vua.

Trong học thuyết của mình Hàn Phi Tử cũng đề cao vai trò của vua trong việc trị nước, theo ông, vua là người đề ra pháp luật nắm hết mọi uy quyền trong tay quản lý đất nước khiến dân phải làm theo đúng pháp luật.

Tuy nhiên quan điểm tôn quân của ông có sự khác biệt với các nhà tư tưởng Nho gia đương thời do xuất phát từ quan điểm dùng pháp luật trong việc thực hiện đường lối trị nước của mình nên nguyên tắc lập pháp cũng có những điểm khác biệt so với các nhà Nho. Khổng Tử người sáng lập ra trường phái Nho gia cũng là người đầu tiên đưa ra thuyết “chính danh”, ông cho rằng vua là người có đầy đủ đức hạnh, được tôi rèn qua lễ nghĩa biết tự chế ước bản thân mình “khắc kỉ phục lễ vi nhân”. Vua là thiên tử nên những lời nói của vua chính là luật pháp tối cao, ý chí của vua chính là ý chí của quốc gia mọi người phải thi hành theo, ông đưa ra chủ trương “lễ nhạc hình phạt từ thiên tử mà ra” vì thế nguyên tắc chính danh cũng từ đó mà được hình thành nó chính là phương tiện để ổn định xã hội. Khổng Tử dùng chính danh để nhắc nhở mọi người luôn phải nhớ tới bổn phận của mình đưa ra những lời nói, hành động cho phù hợp, lấy chính danh để thiết lập trật tự xã hội từ trên xuống dưới “danh không chính thì nói không thuận lý, nói không thuận lý thì công việc không thành, công việc không thành thì lễ nhạc không nên. Lễ nhạc không nên thì hình phạt không thỏa đáng, hình phạt không thỏa đáng thì dân không biết làm ăn sao. Cho nên quân tử mà danh phận rõ ràng thì lí lẽ có thể nói ra được. Lý lẽ nói ra được thì làm được”[4,336]. Hàn Phi Tử đứng trên quan điểm duy vật triệt để khi ông không coi vua là con trời, mà vua chính là những người được nhân dân tôn lên do làm được những việc mang lại lợi ích cho nhân dân, như trong thời thượng cổ đó là Hữu Sào, Toại Nhân người mang lại lửa cho nhân dân dùng, thời trung cổ là Côn và Vũ biết đào sông ngòi thoát nước cho dân khỏi ngập lụt, theo ông những ông vua làm được việc thì người dân sẽ tin tưởng và tôn vinh. Hàn Phi Tử có cái nhìn thực tế về việc

trị nước nên trong nguyên tắc trị nước của mình ông đưa ra thuyết “hình danh” gạt sang một bên những quan điểm về các tiêu chuẩn đạo đức, đưa vào quy tắc về “hình” là xét cái thực sự đã hợp với “danh” là cái tên gọi của công việc hay chưa. Thuyết “chính danh” của Khổng Tử là để dùng củng cố lại địa vị của các bậc thánh nhân và phân chia đẳng cấp trong xã hội, phân biệt người sang kẻ hèn, người quân tử với kẻ tiểu nhân, còn ở thuyết “hình danh” của Hàn Phi Tử thì ông xóa bỏ đi mọi đẳng cấp, dùng pháp luật là gốc, xét người theo hình phù hợp với danh thì chính là người làm được việc nên theo ông dù có là người đầu bếp hay kẻ chăn bò mà làm được việc thì vua vẫn có thể trọng dụng và khen thưởng công bằng, khác biệt hoàn toàn với tư tưởng “lễ không xuống tới thứ dân, hình không lên tới đại phu” của Khổng Tử.

Khổng Tử và Mặc Tử luôn coi trọng và hoài niệm về quá khứ, họ luôn mong muốn quay trở về trạng thái xã hội xưa cũ, thần thánh hóa bậc quân chủ học theo lời nói của thánh nhân xưa Hàn Phi Tử đã phê phán điều này ông cho rằng “họ đều tự cho mình là Nghiêu, Thuấn chân chính. Nghiêu, Thuấn không sống lại, vậy ai sẽ quyết định đạo Nho hay đạo Mặc là đúng với Nghiêu, Thuấn” [29, 561]. Hàn Phi Tử cũng là người đề cao vai trò của nhà vua nhưng quan niệm về vua của ông thì đó cũng chỉ là người bình thường như bao người khác. Việc làm cho nước đó trị hay loạn không phải do ông vua nước đó ra sao mà là nền pháp trị của nước đó như thế nào.

### ***Thuyết “tính ác” của Tuân Tử***

Tuân Tử (298 – 238tr.CN) tên là Huống tự là Khanh, người nước Triệu trong thời kì Chiến Quốc. Ông được tác giả Chu Vinh Căn đánh giá là Thái Sơn Bắc đầu của Nho gia thời kì cuối Tiên Tần, học thuật của ông là sự tổng hợp của các tư tưởng Nho gia và tập hợp được những điểm mạnh trong các trường phái khác. Lễ và Pháp chính là hai hạt nhân cơ bản trong tư tưởng pháp trị của ông, là những yếu tố cơ bản để giáo dục, đưa con người vào

khuôn phép. Tại sao phải đưa lễ, pháp vào giáo dục con người thì theo ông nhận định, bản tính con người là ác “nhân chi tính ác, kì thiện giả, ngục dã” (bản tính con người là ác, thiện là kết quả cải tạo của con người). Theo Tuân Tử phân tích thì bản tính ác của con người sinh ra là do tâm lý, nảy sinh lòng tham, lòng ham muốn mà sinh ra tội lỗi. Nó được biểu hiện thông qua những ham muốn, dục vọng “tính của người ta, đói thì muốn no, rét thì muốn ấm, mệt thì muốn nghỉ”, “tính của người, mắt muốn được hưởng màu đẹp nhất, tai muốn được hưởng âm thanh hay nhất, miệng muốn được hưởng vị ngon nhất, mũi muốn được hưởng hương thơm nhất, lòng muốn được hưởng sự nghỉ ngơi thoải mái nhất”[4,480]. Do đó ông đưa “lễ nghĩa” vào trong việc phòng ngừa và cải tạo bản tính của con người, tính ác của con người có thể giáo hóa được bằng lễ, nghĩa và phải có thầy dạy bảo, cải hóa thì nó mới hóa thiện: “cổ thánh nhân hóa tính khởi ngục, ngục khởi nhi lễ nghĩa sinh. Lễ nghĩa sinh nhi chế pháp độ. Nhiên tắc lễ nghĩa pháp độ giả, thị thánh nhân chi sở sinh dã” (cho nên thánh nhân hóa tính khởi ngục, ngục khởi thì lễ nghĩa sinh ra. Lễ nghĩa sinh ra thì định pháp độ. Vậy lễ nghĩa pháp độ là do thánh nhân sinh ra)[4,490].

Hàn Phi Tử là một trong những học trò của Tuân Tử do đó ông có những kế thừa tư tưởng của thầy mình trong đó học thuyết tính ác đã được ông tiếp thu một cách triệt để hơn. Ông cũng chỉ ra bản tính con người là ác, xuất phát từ tính háms lợi “nói chung, thích điều lợi và tìm nó, ghét cái hại và tránh nó, đó là tính cảm của con người”[29, 124]. Nếu như theo Tuân Tử thì bản tính của con người có thể dùng lễ nghĩa để cảm hóa thì Hàn Phi Tử lại khẳng định hơn nhiều ông cho rằng con người bởi vì thích điều lợi, ghét điều hại nên không thể dùng nhân nghĩa để cải tạo được. Ông phủ định việc dùng nhân nghĩa để giáo hóa bản tính ác của con người “người tuân theo nhân nghĩa mà trị dân, để dân theo nhân nghĩa chỉ là một ảo tưởng của Nho gia, làm hại cho

nước vì tính con người ta vốn ác”[29, 344], ông dẫn chứng “Mẹ yêu con gấp bội lần cha yêu con mà cha ra lệnh thì con tuân lệnh gấp mười mẹ ra lệnh. Quan lại không yêu gì dân mà lệnh được dân tuân gấp vạn lần của cha mẹ tích lũy trong lòng yêu con mà lệnh không được theo; quan lại dùng oai nghiêm mà dân tuân lệnh. Vậy dùng oai nghiêm hay dùng lòng yêu, cách nào nên theo là điều dễ quyết định được rồi”[29,507]

Vì vậy, theo ông chỉ có thể dùng pháp luật đó là cách triệt để nhất để trị quốc, chế ngự bản tính ác của con người. Và cũng có thể lợi dụng chính bản tính ác của con người thì dùng thưởng phạt để thuần phục chính con người.

### ***Tư tưởng của Lão Tử***

Lão Tử là một nhân vật nổi bật trong Triết học Trung Quốc, sự tồn tại của ông trong lịch sử hiện vẫn đang còn được tranh cãi. Theo sử ký của Tư Mã Thiên, Lão Tử họ Lý tên Nhĩ, hiệu là Bá Dương, thụy là Đam người nước Sở. Tư tưởng của ông được biết đến qua tác phẩm “đạo đức kinh”. Đạo đức kinh là cuốn sách chỉ khoảng 5000 chữ, gồm hai phần: Thượng là Đạo Kinh gồm 37 chương, bàn về Đạo lớn của vũ trụ. Hạ là Đức Kinh gồm 44 chương bàn về Đức. Trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, Lão Tử là người đầu tiên bàn về nguồn gốc của vũ trụ. Mà theo ông nguồn gốc của vũ trụ là một cái tuyệt đối, không thể dùng tên mà gọi, dùng khái niệm để biểu đạt, nên ông miễn cưỡng gọi nó là “đạo”. Đạo chính là nguồn gốc của vạn vật, là nơi vạn vật sinh thành nhưng “đức” mới nuôi dưỡng vạn vật trưởng thành, theo Nguyễn Hiến Lê thì “Đức là một phần của đạo: khi chưa biểu hiện trong mọi vật thì là đạo, khi đã biểu hiện rồi thì phần biểu hiện trong mỗi vật là đức. Mỗi vật đều có đức, mà đức của bất kì vật nào cũng từ đạo mà ra, là một phần của đạo, cho nên đức nuôi lớn mỗi vật mà luôn tùy theo đạo”[15,65-66]. Đạo sinh ra vạn vật, đức khiến cho vạn vật sinh thành theo đạo, đạo với tự nhiên là một nên đạo không can thiệp vào vạn vật để vạn vật thuận theo tự nhiên mà thành

là vô vi, như vậy, vô vi không có nghĩa là không làm gì cả mà chính là thuận theo tự nhiên mà làm “đạo thường vô vi nhi vô bất vi”.

Hàn Phi Tử dùng hai thiên *Giải Lão* và *Dụ Lão* để nói về Lão Tử cho chúng ta thấy Hàn Phi nghiên cứu rất nhiều về Đạo gia. Hàn Phi Tử kết thừa quan điểm duy vật về thế giới của Lão Tử về “đạo”. Theo ông, Đạo là nguồn gốc của vạn vật, “Đạo không trùng làm một với vạn vật, đức không trùng làm một với âm dương, cái cân không trùng làm một với sự nặng nhẹ, dây mực không trùng làm một với chỗ lồi lõm, cái kèn không trùng làm một với sự nhanh chậm, nhà vua không trùng làm một với bầy tôi. Cả sáu cái này đều do đạo mà ra. Đạo không có hai cho nên gọi nó là một”[29,70]. Đạo là cái vĩnh viễn không thay đổi, không nhìn thấy được thì Lý là cái phân biệt vuông với tròn, ngắn với dài, thô với tinh, mềm với cứng. Đạo là nguồn gốc lại vừa là quy luật phổ biến của vạn vật thì Lý lại là quy luật riêng nên nó luôn biến hóa không ngừng. Vì vậy, vận dụng Đạo, Lý vào trong việc trị nước cũng phải tuân theo quy luật của nó, ngày nay cái Lý (thời thế) đã có những thay đổi thì cái Đạo trị nước cũng phải thay đổi theo để phù hợp với tình hình lịch sử. Theo ông vận dụng quan niệm về Đạo trong việc trị nước, cần phải dùng sao cho đúng thì mới đem lại được hiệu quả “đạo cũng giống như nước, kẻ chết đuối uống nó quá nhiều mà chết, người khát uống nó sống ngay. Nó giống như thanh kiếm, mũi giáo, người ngu làm việc phần nô mà cái họa sinh ra. Bậc thánh nhân dùng nó để trừng trị kẻ bạo ngược”[29,188].

Trong phép trị nước của mình nhà vua mà biết vận dụng Đạo thì không có việc gì mà không thành, tạo được cái Thế mạnh làm cho bề tôi tin theo, nhân dân yên vui lao động, đất nước thái bình “phàm dựa theo đạo lý mà làm thì không việc nào là không thành, không việc nào không thành thì lớn có thể thành cái thế cao quý của thiên tử, nhỏ dễ được hưởng cái lộc của vị khanh tướng, tướng quân”[29,175].

### ***1.1.3. Cuộc đời và sự nghiệp của Hàn Phi Tử***

Trong cuốn Sử kí Tư Mã Thiên có đoạn viết về Hàn Phi Tử “Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích học cái “hình danh” “pháp luật”. Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão tử. Phi là người nói ngọng, không thể biện luận nhưng giỏi về mặt viết sách, Hàn Phi và Lý Tư đều học với Tuân Khanh. Tư tự cho mình kém Phi. Phi thấy nước Hàn suy yếu mấy lần viết tâm thư dâng lên vua Hàn, nhưng vua Hàn không tin dùng”[40,335]. Như vậy, thông qua đoạn dẫn trong tác phẩm Sử kí Tư Mã Thiên mà chúng ta có thể thấy được cuộc đời có nhiều thăng trầm của Hàn Phi Tử. Hàn Phi Tử (280-233 tr. CN) là tư tưởng gia cuối thời Tiên Tần, là người học rộng, hiểu nhiều, thuộc tầng lớp quý tộc nhưng lại có tinh thần tiến bộ, ông ủng hộ tầng lớp địa chủ mới lên những người có hiểu biết, ông phê phán những kẻ quý tộc cổ hủ, vô dụng. Ông từng theo học đạo Nho với thầy Tuân Tử cùng đồng môn với Lý Tư (sau làm tướng quốc nước Tần), ông có tư tưởng khác biệt với thầy, trái với Nho giáo về việc học giáo hóa, lễ nghĩa. Ông nghiên cứu về pháp chế và quyền thuật. Ông nói " Ngô ái ngô sư, ngô bưu ái chân lý" (ta yêu thầy ta, nhưng ta càng chuộng chân lý hơn).

Là người có tinh thần ái quốc, với tài học của mình thông thạo về lịch sử, văn học cũng như am hiểu tình hình chính trị xã hội đương thời nên Hàn Phi Tử nhận thấy tình hình đất nước lúc bấy giờ đang trở nên suy yếu. Nước Hàn nhờ chủ trương li khai đạo đức đề cao pháp luật của Thân Bất Hại mà trở nên hùng mạnh trong nhiều năm nhưng sau khi Thân Bất Hại mất đi, pháp trị không được duy trì nữa nước Hàn cũng từ đây mà trở nên suy yếu, lại nằm ở cửa ngõ của nước Tần, tình hình ngày càng trở nên nguy hiểm. Theo ông muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh thì phải dùng tới pháp thuật, cải tổ nội chính chứ không thể dựa vào ngoại giao, du thuyết được. Với lòng yêu nước tha thiết của mình Hàn Phi Tử bắt đầu viết ra những tư tưởng trị nước



của mình dâng lên cho vua Hàn thiên “ngũ đồ”, “cô phần”, đã được viết trong thời gian này với mong muốn nhà vua phải làm sáng tỏ pháp chế của quốc gia, xây dựng đất nước giàu mạnh nhưng không được vua Hàn trọng dụng. Tư tưởng của Hàn Phi Tử tuy không được dùng trong nước nhưng lại được các nhà tư tưởng bấy giờ đánh giá rất cao, được nhiều người đọc và chép lại, các thiên sách còn đi tới cả nước Tần, khi hai thiên “cô phần” và “ngũ đồ” được Tần Thủy Hoàng đọc thì rất khâm phục, Tần Thủy Hoàng cảm thấy thích thú và muốn gặp ngay Hàn Phi Tử “than ôi, quả nhân mà được chơi bời với con người này thì có chết cũng không ăn năn”[40,347]. Lúc này Hàn Phi Tử được vua Hàn cho đi sứ sang Tần để tìm cách cứu nước, ông viết bản “tồn Hàn” dâng lên cho vua Tần, chỉ ra những lý do cần giữ nước Hàn để mang lại những điều lợi cho nước Tần nhưng vì lý do đó mà Hàn Phi Tử bị Lý Tư biến thành kẻ mưu lợi cho nước Hàn nên sui khiến Tần Thủy Hoàng bỏ ngục ông rồi tìm cách giết hại. Vua Tần muốn gặp ông sau khi đọc sơ kiến Tần thì ông đã không còn nữa. Chỉ còn lại những tâm huyết của ông trong việc trị quốc hình thành nên tác phẩm Hàn Phi Tử sau này. Sau khi ông mất ba năm thì nước Hàn cũng bị thôn tính, 12 năm sau, năm 221 tr. CN Tần Thủy Hoàng nhờ vận dụng tư tưởng của ông mà đã thống nhất Trung Quốc sau nhiều năm chia cắt.

Theo sử kí của Tư Mã Thiên thì tác phẩm của Hàn Phi Tử có khoảng trên một vạn chữ trong đó có các thiên như Cô phần, Ngũ đồ, Nội, ngoại trù, Thuyết Lâm, Thuyết nan mà không biết trọn bộ thì có bao nhiêu thiên. Có rất nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu vào tập hợp lại tác phẩm Hàn Phi Tử nhưng theo thời gian, tác phẩm đã thất lạc đi rất nhiều và có nhiều nội dung đã bị sửa đổi do người đời sau viết thêm vào. Theo Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi thì các ông chỉ tìm ra được ba bản chữ Hán[16, 107]:

+ Hàn Phi Tử tập giải của Vương Tiên Thận đời Thanh (Trung Quốc), khắc từ năm Quang Tự thứ 22 (1896).

+ Hàn Phi Tử bạch thoại chú giải của Diệp Ngọc Liên (Hoa Liên xuất bản xã, không đề in năm nào), bản này chỉ có 33 trong 55 thiên.

+ Hàn Phi Tử hiệu thích của Trần Khải Thiên (Trung Hoa tùng thư, 1958).

Còn dịch giả Phan Ngọc thì đã khảo sát nhiều qua nhiều văn bản của các học giả Trung Hoa nhưng chủ yếu dựa vào quyển:

+ Hàn Phi Tử tập thích của Trần Du Kỳ (Bắc Kinh năm 1958). Đề dịch lại tác phẩm Hàn Phi Tử.

Nội dung của tác phẩm thể hiện được tài năng cũng như sự am hiểu của Hàn Phi Tử về nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội. Tiêu đề của mỗi thiên rất ngắn gọn hầu như đều chứa trong đó là nội dung mà ông muốn bàn luận như: thiên cô phần, thiên nan ngôn, thiên Bát gian, thiên Bát kinh, thiên Giải lão, thiên Du lão, thiên Hiển học, thiên Ngũ đồ... cho người đọc dễ tìm hiểu nội dung trong các thiên mà ông muốn bàn luận, bên cạnh đó tác phẩm còn có tính văn học rất cao khi ông thường lấy nhiều điển cố và thu thập những câu truyện ngụ ngôn để minh họa cho những luận điểm của mình ví như trong thiên ngoại trữ thuyết, tả thượng Hàn Phi Tử kể về truyện có người nước Trịnh muốn đi mua giày, trước đó anh ta tự đo lấy chân mình rồi anh ta ra chợ quên mang theo nó. Khi tìm được giày rồi, anh ta lại nói “tôi quên mất cái đo” bèn chạy về nhà lấy. Đến khi quay lại thì chợ đã nghỉ bán, cuối cùng thì không mua được giày. Có người hỏi anh ta tại sao không lấy chân mà thử. Anh ta đáp “thà tin vào cái đo hơn là tin vào chính mình”. Hàn Phi Tử dùng câu chuyện này để ám chỉ những những việc làm không nhìn vào thực tế, giống như các nhà Nho đương thời, chỉ biết ôm lấy đống sách cũ kỹ mà không chịu nhìn vào thực tế, luôn lấy giáo huấn xưa cũ ra giảng đạo cho người dân, mong muốn khôi phục lại lễ nhạc nhà Chu đã suy tàn mà không nhìn thấy thực tế xã hội đang đảo lộn, các nước đánh chiếm lẫn nhau. Dùng sách vở và

việc đi du thuyết khắp nơi kêu gọi người làm việc nhân nghĩa thì đâu có dừng lại được chiến tranh trong thời bấy giờ.

Tác phẩm Hàn Phi Tử đã được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá rất cao về những giá trị mà nó để lại cho tới ngày nay. Tác giả Nguyễn Hiến Lê đã đánh giá tác phẩm Hàn Phi Tử còn có giá trị cao hơn cả tác phẩm “quân vương” của Miccolo Machiavelli cả về bút pháp lẫn tư tưởng, nếu Machiavelli trong tác phẩm “quân vương” là cuốn sách dạy về những biện pháp, thủ đoạn chính trị thì Hàn Phi Tử lại còn hơn thế nữa, không chỉ dạy nhà vua về thế, về thuật để cầm quyền mà ông còn đề cao pháp luật, lấy pháp luật chính là công cụ để phục vụ con người. Tất nhiên, bất cứ tác phẩm nào cũng mang trong mình những điểm hạn chế nhưng nếu bỏ đi những mặt hạn chế về quan niệm xã hội đương thời ta có thể thấy được những giá trị hiện đại của nó. Đọc tác phẩm Hàn Phi Tử sẽ cho ta cảm giác giống như giáo sư Phan Ngọc đã nhận xét “đọc cái công trình viết cách đây 2300 năm này ai cũng giật mình về tính thời sự của nó. Ta có cảm tưởng rằng tác giả là người hiện nay, nói bằng ngôn ngữ và cách lý luận hôm nay về các quan hệ giữa người với người ngày hôm nay không chỉ ở Trung Hoa mà ở cả thế giới, trong đó có Việt Nam”[29,5].

## **1.2. Nội dung tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử**

### ***1.2.1. Quan niệm về lịch sử phát triển của xã hội***

Cũng như tất cả các nhà tư tưởng xã hội khác, tư tưởng pháp trị được nảy sinh trong hiện thực đời sống xã hội trải qua quá trình phát triển từ thấp đến cao để trở thành một học thuyết hoàn chỉnh. Đứng trên lập trường duy vật chất phác của mình Hàn Phi Tử cho rằng xã hội loài người cũng có quá trình phát triển không ngừng từ giai đoạn thấp rồi ngày một đi lên, ông chia xã hội loài người thành các giai đoạn thời thượng cổ, thời trung cổ, thời cận cổ và thời hiện đại tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển của thời đại ấy lại có những người được nhân dân tôn vinh làm vua vì có công lao mở mang trí óc, giúp đời sống nhân dân phát triển được nhân dân yêu thích nên phong cho

làm vua thiên hạ. Ở thời kì thượng cổ con người sống trong thiên nhiên và dựa mình vào thiên nhiên, con người có số lượng ít nên họ sống dựa vào nhau để tạo nên sức mạnh chống lại thú dữ nên con người lúc này yêu thương nhau. Thời trung cổ con người biết chinh phục tự nhiên, làm ra của cải nuôi sống bản thân, cuộc sống dần đầy đủ hơn họ đã biết coi trọng người hiền tài. Thời cận cổ, vua chúa trở thành những kẻ dâm loạn, chiến tranh liên miên xảy ra làm ảnh hưởng tới cuộc sống người dân, tới thời hiện đại thì các nước đấu tranh giành sức mạnh lẫn át nước yếu, mở rộng đất đai và phát triển kinh tế. Như vậy, ông nhận thấy ở mỗi thời mỗi khác, mỗi thời cần có những biện pháp cai trị khác nhau.

Trong mỗi thời kì phát triển của xã hội lại có những tập quán và những đặc điểm riêng của mình và xã hội loài người luôn biến đổi và không có một chế độ xã hội nào tồn tại vĩnh viễn vì vậy không thể áp dụng những việc đã lỗi thời vào trong quá trình phát triển của giai đoạn khác được. Ông chỉ ra động lực căn bản quyết định sự biến đổi của lịch sử bởi hai nguyên nhân chủ yếu là do sự phát triển của dân số và sự phân hóa trong xã hội ngày càng tăng lên nhanh chóng làm cho mâu thuẫn trong xã hội ngày càng tăng cao, người giàu kẻ nghèo khoảng cách ngày càng lớn nên mới sinh ra nạn cướp bóc, chiến tranh làm cho đất nước hỗn loạn “người ngày nay có năm đứa con không cho là nhiều. Mỗi đứa con có năm đứa con, ông nội chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu. Vì vậy, cho nên người thì đông mà của cải thì ít, làm việc vất vả mà việc nuôi sống vẫn kém. Cho nên nhân dân tranh giành. Dù có thưởng gấp đôi và phạt nặng hơn nhiều, dân cũng không khỏi làm loạn”[29,541].

Chính bởi mỗi thời mỗi khác nên theo ông những người cai trị đất nước luôn phải căn cứ vào nhu cầu khách quan của xu thế phát triển lịch sử xã hội, của mỗi thời đại mà đưa ra những chính sách, phương pháp cai trị cho phù hợp “bậc thánh nhân không cốt trau dồi chuyện xưa, không noi theo những phép tắc bất biến, khi bàn việc ở đời thì dựa theo tình hình của thời mình mà

đặt ra những biện pháp”[29, 540]. Trong thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc, phương pháp trị nước của Nho gia với tư tưởng về nhân trị, Mặc gia với thuyết kiêm ái, Lão gia với chủ thuyết vô vi thế nhưng những tư tưởng ấy hoàn toàn không có tính ứng dụng trong thời kì khi mà trật tự xã hội bị đảo lộn, đạo đức luân lý suy đồi, không có chuẩn mực nhất định cho con người noi theo mà theo như Khổng Tử nói thì đó là một xã hội mà cha không ra cha, con không ra con, kẻ mạnh thì ức hiếp kẻ yếu. Đối với Hàn Phi Tử thì việc đưa ra các chính sách cai trị phải phù hợp với xã hội đương thời “thời thế thay đổi mà cách cai trị không thay đổi thì sinh loạn. Biết cai trị dân chúng nhưng lệnh ngăn cấm không thay đổi thì nước cất. Cho nên bậc thánh nhân trị dân thì pháp luật phải theo thời mà thay đổi và ngăn cấm theo khả năng mà thay đổi”[29, 588]. Hàn Phi Tử cũng chỉ ra rằng cách cai trị đất nước không thể thiếu tính thực tế, chỉ ngồi một chỗ mà tô vẽ về nền nhân trị thì đất nước sẽ thịnh trị, giống như muốn mặt mình đẹp thì không thể ngồi khen Mao Tường, Tây Thi là đẹp mà phải nhìn vào thực tiễn, dùng hành động để cải tạo xã hội, vì vậy, ông đã nhận định không thể dùng tư tưởng nhân trị của Khổng Tử trong xây dựng nhà nước đang hỗn loạn mà cần phải có một nhà nước pháp trị mạnh mẽ để đưa nhân dân vào quy củ, “đời xưa và đời nay phong tục khác nhau, biện pháp thời mới và thời cũ khác nhau. Nếu muốn dùng cái chính trị khoan dung để cai trị cái dân thời nguy cấp thì cũng chẳng khác gì không có dây cương và roi vọt mà muốn điều khiển con ngựa hung hăng”[29,544].

### ***1.2.2. Quan niệm của Hàn Phi Tử về con người***

Hàn Phi Tử sinh sống trong thời kì xã hội loạn lạc, là người học rộng hiểu nhiều với khả năng quan sát thực tế ông đã hình thành trong mình những tư tưởng chính trị với mong muốn xây dựng một quốc gia cường thịnh. Ông kế thừa và phát huy những tư tưởng các nhà triết học trước đó và phát triển nó cho phù hợp với tinh thần pháp trị của mình. Bàn về vấn đề con người, các nhà tư tưởng Trung Hoa cổ đại đã có nhiều quan niệm khác nhau, đối với

Khổng Tử bản tính con người sinh ra ai cũng giống nhau cả, về bản chất đều là tốt đẹp trong sách luận ngữ có viết “tính tương cận dã, tập tương viễn dã” con người sinh ra ai cũng giống nhau nhưng do hoàn cảnh sống mà tính cách trở nên thay đổi. Còn Mạnh Tử cũng cho rằng con người ai cũng đều thiện, ai cũng đều có thể trở thành vua Thuấn, vua Nghiêu “nhân giai khả dĩ vi Nghiêu, Thuấn”, “nhân vô hữu bất thiện”.

Hàn Phi Tử kế thừa tư tưởng tính ác của thầy mình là Tuân Tử. Ông chỉ ra con người vốn tính ác, có nhiều tật xấu là sự tư lợi, lười biếng và ưa phục tùng kẻ mạnh. Cũng như các nhà học giả đương thời Hàn Phi Tử không đi sâu vào con người thể xác mà chú tâm vào nghiên cứu con người tinh thần, nhưng con người được ông nhận định trên lập trường duy vật chủ nghĩa, con người theo ông được sinh ra, họ tham gia vào hoạt động xã hội, lao động không ngừng nghỉ khiến cho cơ thể hao mòn, dần dần đến cái chết “thân thể con người ta có ba trăm sáu mươi đốt xương, tứ chi, cửu khiếu, là những dụng cụ lớn của con người. Tứ chi và cửu khiếu làm thành mười ba cái. Sự động hay tĩnh của mười ba cái đều thuộc vào sự sống”[29,189-190]. Cái chết là kết thúc mọi hoạt động nhận thức của con người nên phân tinh thần của con người càng phải được quý trọng.

Xuất phát từ tư tưởng tính ác của thầy mình nên Hàn Phi Tử hoàn toàn phủ nhận khả năng có thể giáo hóa con người bằng lễ, nhạc, đạo đức. Để dẫn chứng cho nhận định về bản tính của con người ông đi vào phân tích bản chất của con người trong cả ba mối quan hệ nổi bật trong xã hội thời bấy giờ là quan hệ quân thần, phụ tử, phu thê, mỗi quan hệ đóng vai trò chủ đạo nền tảng của xã hội Nho giáo, Hàn Phi Tử nhìn nhận nó dưới nhãn quan hoàn toàn khác biệt.

Trong mỗi quan hệ tam cương của Nho giáo thì quân thần đứng đầu chỉ mỗi quan hệ giữa vua và bầy tôi, giữa người ra lệnh và người tuân lệnh. Nho giáo lấy chữ “trung”, chữ “tín” làm trọng, bầy tôi luôn phải kính trọng và

phục tùng bề trên vô điều kiện, bởi vì vua mang danh thiên tử nên người dưới phải luôn tôn thờ bề trên, làm theo mọi mệnh lệnh nhà vua vô điều kiện nên dẫn tới câu “quân sử thân tử, thân bất tử bất trung”, nhà vua lấy lễ mà đãi bề tôi thì bề tôi lấy lòng trung của mình mà thờ nhà vua. Nhưng Hàn Phi Tử nói về mối quan hệ này tồn tại chẳng qua cũng chỉ là do tính toán lợi lộc mà bày ra cả thôi bởi vì giữa vua và tôi không có mối quan hệ ruột thịt nên nhà vua ban tước lộc ra để mua bầy tôi làm việc cho mình “bầy tôi đem hết sức mình để bán cho nhà vua, nhà vua đưa tước lộc ra để cho bầy tôi. Giữa vua với tôi không có cái tình thân của cha với con, đều do việc tính toán mà ra cả”[29,420].

Quan hệ phụ - tử chính là mối quan hệ khăng khít nhất trong xã hội bởi vì là cha con, là gia đình nên luôn phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Mối quan hệ của cha mẹ và con cái phải dựa trên tinh thần “phụ tử, tử hiếu”, bổn phận làm con phải hiếu kính với cha mẹ Khổng Tử nói “Cho nên quân tử đi một bước không dám quên hiếu..., một khi cất bước mà không dám quên cha mẹ. Khi cất chân bước mà không dám quên cha mẹ tức là đi đường cái mà không đi đường tắt, đi thuyền mà không bơi qua, không dám làm càn, không tính đến di thể của cha mẹ. Khi mở miệng nói mà không dám quên cha mẹ, thế là câu nói sai không buột ra khỏi miệng, giận dữ không hại đến thân mình. Không để mình chịu nhục, không để thẹn cha mẹ, có thể nói hiếu là như vậy”[4,318], trong lịch sử Trung Hoa cuốn sách viết về nhị thập tứ hiếu luôn được chép đi chép lại nhiều lần, là tấm gương sáng truyền từ đời này qua đời khác nhưng với Hàn Phi Tử trong mối quan hệ cha mẹ và con cái vẫn còn tính toán với nhau “con người khi còn nhỏ nếu cha mẹ nuôi nấng qua loa, thì khi lớn lên sẽ oán trách cha mẹ. Đưa con lớn lên phụng dưỡng cha mẹ kém thì cha mẹ giận mà mắng nhiếc con. Cha đối với con là chỗ thân thiết nhất mà

còn oán trách nhau, đó đều là vì lo cho nhau không chu đáo như lo cho chính mình”[29,328].

Quan hệ quân thân, phụ tử như vậy thì tình cảm phu – thê cũng chẳng hơn gì Hàn Phi Tử nhận định “nói chung, vợ chồng không có ân huệ cốt nhục, lúc yêu thì được thân, không yêu thì bị sợ” [29, 149]. Theo ông thì các hoàng hậu, cung phi thì thường là những người mong cho vua chết sớm bởi vì người phụ nữ nhan sắc thì chóng tàn mà người đàn ông thì đa tình, hiếu sắc nên có những cuộc đầu độc, tranh giành quyền lực lẫn nhau. Ba mối quan hệ giường cột trong quan niệm của Nho giáo được Hàn Phi Tử đặt dưới góc nhìn phi đạo đức, ông loại bỏ hoàn toàn tính nhân của con người phơi bày ra bộ mặt xấu xa nhất của con người với nhau.

Người trong thiên hạ theo ông họ đối xử với nhau cũng vì lợi. “Thầy lang khéo mót vết thương, ngậm máu bệnh nhân đâu phải vì tình cốt nhục mà chỉ vì lợi, thợ đóng xe mong cho nhiều người giàu sang, còn thợ đóng quan tài thì mong cho nhiều người chết yếu, không phải vì thợ đóng xe có lòng nhân mà thợ đóng quan tài tàn nhẫn, chỉ vì người ta không giàu thì không mua xe, người ta không chết thì quan tài không bán được” [29,150]. Như vậy, theo ông lòng nhân của con người đã bị cái lợi che khuất đi mất. Lợi chính là động cơ thúc đẩy con người làm việc. Đây chính là mặt hạn chế của Hàn Phi Tử khi cách nhìn nhận con người của ông đã cực đoan, quá thiên về khía cạnh vụ lợi, con người theo ông có thể bất chấp tất cả, bỏ quên cả lòng nhân để đạt mục tiêu mang lại lợi ích cho mình. Tính tham lam là một phần bản chất của con người, bất cứ ai cũng mang trong mình những tính toán thiệt hơn trong cuộc sống nhưng tính tham lam có được duy trì và sử dụng hay không đó lại là do sự tiết chế trong tính cách của mỗi người và đặc biệt hơn nữa đó là hoàn cảnh xã hội sống của mỗi người lại khác nhau. Hàn Phi Tử chỉ ra nguyên nhân căn bản nảy sinh ra bản tính tư lợi của con người theo ông đó là do dân số ngày



một đông mà về mặt vật chất lại không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng nên con người trở nên tham lam: “Người ngày nay có năm đứa con không cho là nhiều, mỗi đứa con có năm đứa con, ông nội chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu. Vì vậy cho nên người thì đông mà của cải thì ít, làm việc vất vả mà việc nuôi sống vẫn kém. Cho nên dân tranh giành” [29,541]. Lòng tham, tính tư lợi của con người mà không thể trung hòa, khắc chế được nó sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng trong xã hội, từ những tính toán nhỏ nhưng nó có thể trở thành sự tha hóa trong đạo đức, con người rơi vào những cái bẫy của chủ nghĩa cá nhân, toan tính lợi ích riêng mà đỉnh cao của nó chính là tệ nạn tham nhũng.

Ngoài bản tính tư lợi thì Hàn Phi Tử còn chỉ ra tính xấu nữa của con người là sự lười biếng, nếu như trong quan niệm của Tuân Tử thì con người ta khi đói thì muốn no, rét thì muốn ấm nó thuộc về dục vọng, bản năng của con người thì Hàn Phi Tử lại chứng minh rằng con người ta có tính lười biếng, khi tài sản đủ dùng thì không gắng sức làm việc nữa “phàm con người sinh ra, khi của cải đủ dùng thì lười dùng sức. Nếu nhà vua cai trị nhu nhược thì họ nông công làm điều bậy”[29, 511].

Con người với bản chất xấu như vậy thì cần phải có những biện pháp để điều chỉnh, uốn nắn đưa vào khuôn phép thì mới có thể làm xã hội ổn định phát triển được kinh tế, ông cũng tìm ra được điểm yếu của con người để dựa vào đó có thể lợi dụng mà áp dụng pháp trị vào để sửa đổi bản tính ác ấy. Con người ưa phục tùng kẻ mạnh, “Mẹ thương con nhiều hơn cha, nhưng lệnh của cha đưa ra được con thi hành gấp mười lần lệnh của mẹ. Quan đối với dân không yêu thương dân nhưng mệnh lệnh của quan lại thì dân thi hành gấp vạn lần lệnh của cha, cha mẹ chồng chất thương yêu nhưng lệnh đưa ra không được thi hành, quan lại dùng uy nghiêm mà dân nghe theo. Uy nghiêm và thương yêu đằng nào hơn cũng có thể quyết định được vậy”[29, 505], theo

ông con người thì thường chỉ sợ những kẻ mạnh hơn mình, những kẻ có uy quyền vì vậy không thể lấy tình yêu thương, nhân ái để uốn nắn bản tính con người được mà phải dùng đến các hình phạt để răn đe.

Trong quan điểm về con người của Hàn Phi Tử xét rõ ràng là vẫn còn chứa đựng những hạn chế lớn trong tư tưởng của ông, ông nhìn nhận con người dưới lăng kính quá khắc khe, chỉ nhìn thấy bản tính vụ lợi, lòng tham lam của con người mà không xét đầy đủ nhân cách của con người. Thực tế trong cuộc sống, con người ta ngoài mục tiêu là làm ra của cải, vật chất đáp ứng nhu cầu của con người thì họ còn có cả những nhu cầu về mặt tình cảm, sự tha hóa của con người chỉ là số ít, một phần nhỏ trong xã hội, con người luôn biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau vượt qua gian khổ, người Việt Nam ta với truyền thống “lá lành đùm lá rách”, cộng với tinh thần đoàn kết mà đã chống lại biết bao kẻ thù xâm lược, nếu con người ai cũng là những kẻ tính toán tham lam thì khi chiến tranh xảy ra luôn là những kẻ bỏ chạy trước tiên, khi thiên tai bão lụt ập tới mà chỉ lo cho bản thân thì thế giới liệu còn có thể tồn tại, không nên đánh đồng một nhóm nhỏ những “con sâu làm rầu nồi canh” mà đánh giá toàn bộ đạo đức con người trở thành thấp kém. Nhưng cũng từ những nhận định của ông về bản tính con người như thế ta cũng có thể rút ra được những bài học đúng đắn áp dụng cho số nhỏ những người mang “tính ác” giống như Hàn Phi Tử phân tích để đưa vào khuôn phép, hòa nhập xã hội. Ông đưa ra phương pháp giải quyết vấn đề này chính là việc sử dụng pháp trị, đây là con đường để làm cho quốc gia cường thịnh, làm xã hội trở nên ổn định hơn.

### ***1.2.3. Lý luận về Pháp***

Trong thời kì Trung Quốc cổ đại, Pháp được hình thành từ rất lâu đời, đến thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc thì hầu như mỗi nước đều có pháp luật riêng của mình. Trong các văn tự cổ thì hai từ “pháp” và “hình” được dùng

thay thế cho nhau, mà Pháp thì là những mệnh lệnh do vua ban hành để trói buộc con người, luôn chứa đựng những hình phạt tàn khốc nên tạo nên những ám ảnh tâm lý về Pháp chính là những hình phạt, những luật lệ khắt khe, hạn chế sự tự do của con người.

Hàn Phi Tử định nghĩa về Pháp theo ông “Pháp luật là mệnh lệnh ban bố rõ ràng ở nơi cửa công, hình phạt chắc chắn đối với lòng dân, thưởng cho những kẻ cẩn thận giữ pháp luật, nhưng phạt những kẻ làm trái lệnh. Đó là điều những bầy tôi phải tuân theo”[29,478-479]. Ông coi pháp luật là tiêu chuẩn để phân biệt mọi sự việc để nhận biết sự việc đúng sai, tốt xấu, thiện ác. Người dân làm bất cứ việc gì thì luôn phải đặt luật pháp lên trên để làm chuẩn mực, thì hành động bất cứ việc gì cũng trở nên đúng đắn, “người thợ khéo tay tuy dùng ý và mắt cũng đúng dây mực, nhưng trước đó phải lấy cái quy, cái củ để đo”[29,49], pháp luật giống như sợi dây dọi định hướng cho mọi hành động của con người đi vào đúng đắn. Như vậy, lấy pháp luật làm trọng thì yêu cầu trong quá trình xây dựng pháp luật trở thành chuẩn mực trong việc trị quốc.

Ảnh hưởng từ tư tưởng tôn quân trong xã hội lúc bấy giờ Hàn Phi Tử quan niệm vua là người tượng trưng cho quốc gia nắm uy quyền cũng là người nắm giữ pháp luật vua là người đề ra pháp luật, đây là một trong những hạn chế lớn nhất trong tư tưởng của ông làm cho pháp luật không còn tính khách quan, nó mang bản chất của giai cấp thống trị, dùng pháp luật làm công cụ để chế ước những nhu cầu của con người mà theo ông chính là bản tính tự lợi của con người. Tuy nhiên, ông cũng đưa ra những nguyên tắc mà nhà vua cần phải tuân thủ trong quá trình lập pháp để tránh tình trạng nhà vua tùy tiện đặt luật pháp ra sao cũng được.

*Thứ nhất*, luật pháp phải hợp thời: Theo Hàn Phi Tử thì lịch sử luôn thay đổi, đời sau không giống đời trước, không có thứ pháp luật nào có thể trở

thành hình mẫu để noi theo. Chỉ có một chuẩn mực duy nhất đó chính là thực tiễn, lấy đó làm tiêu chuẩn để xây dựng pháp luật cho phù hợp với từng quốc gia, từng giai đoạn lịch sử. Đối với Hàn Phi Tử thì việc đưa ra các chính sách cai trị phải phù hợp với xã hội đương thời “thời thế thay đổi mà cách cai trị không thay đổi thì sinh loạn. Biết cai trị dân chúng nhưng lệnh ngăn cấm không thay đổi thì nước cắt. Cho nên bậc thánh nhân trị dân thì pháp luật phải theo thời mà thay đổi và ngăn cấm theo khả năng mà thay đổi”[29, 588].

*Thứ hai*, luật pháp phải được phổ biến rộng rãi: Đây là một quan điểm tiến bộ so với xã hội đương thời, chế độ phong kiến nhà Chu xây dựng thì pháp luật không phải là thứ để phổ biến rộng rãi cho mọi người dân được biết mà nó nằm trong tay giai cấp thống trị, pháp luật trở nên kín đáo nên họ dễ dàng lợi dụng pháp luật làm lợi cho mình, tới cuối thời kì Xuân Thu cũng đã có một số nước đã có những chính sách mới trong việc phổ biến pháp luật như nước Trịnh có Tử Sản đúc hình thư, Lý Khôi soạn ra pháp kinh hay Thương Ưởng thi hành biến pháp, họ đều đã chú ý tới việc phổ biến pháp luật để giáo dục cho người dân. Tới Hàn Phi Tử thì ông đã đưa ra tư tưởng về việc xây dựng luật pháp thành văn và phải được ban bố rộng rãi “phép trị nước phải bày ra nơi công đường và công bố cho trăm họ”[29,374].

*Thứ ba*, pháp luật phải đơn giản, dễ hiểu: pháp luật đã được ban bố phổ biến chính là để tránh tình trạng người dân không biết luật mà phạm phải điều sai trái, nhưng đối tượng chủ yếu là người dân với trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế nên ông chủ trương pháp luật cần dùng những câu chữ phổ biến tránh tình trạng pháp luật đem ra nơi cửa công nhưng lại là những điều cao xa mà người dân thì không hiểu được nội dung vấn đề “những lời nói vi diệu thì đến bậc thượng trí còn khó biết thì dân không cách nào hiểu được”[29,452], pháp luật mà rõ ràng, thì sẽ không xảy ra tình trạng lách luật mà làm sai, viện cớ không hiểu luật mà phạm tội, pháp luật cần phải dễ hiểu nên để cho người

không có học cũng có thể hiểu được như thế tránh được tình trạng hiểu lầm và những kẻ lợi dụng tình trạng mập mờ để lợi dụng pháp luật.

*Thứ tư*, pháp luật phải thống nhất và ổn định: Hàn Phi Tử có nói “pháp luật không gì bằng thống nhất, cố định để dân dễ biết”[29,547]. Theo ông pháp luật cần phải thống nhất trong cả nước, trong khi một lệnh mới ra đời thì cần phải xóa bỏ đi lệnh cũ để tránh tình trạng mập mờ, lẫn lộn có kẻ lợi dụng pháp luật để nổi loạn, trong thiên định pháp ông lấy dẫn chứng về việc Thân Bất Hại khi ban hành luật pháp mà không có sự thống nhất khiến cho bọn gian thần làm loạn. Hàn Phi Tử không khuyến khích việc thay đổi luật pháp thường xuyên, pháp luật cần phải ổn định, không nên vô cơ thay đổi pháp luật mà khiến cho mọi thứ trở nên xáo trộn ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân “pháp lệnh mà thay đổi thì việc lợi và hại cũng khác đi. Việc lợi và hại khác đi thì việc làm của dân thay đổi”[29, 187]

*Thứ năm*, pháp luật đề ra phải công bằng: trong việc xây dựng pháp luật một cách công bằng thì ban đầu phải kể đến Thương Ưởng là người đã áp dụng pháp luật một cách triệt để, không phân biệt thứ cấp trong việc dùng pháp, trong sử sách còn ghi lại khi Thương Ưởng áp dụng pháp đối với cả tầng lớp quý tộc như Công tử Kiên khi phạm tội cũng bị cắt mũi. Theo quan điểm của Hàn Phi Tử thì mọi người đều phải công bằng trước pháp luật, không phân biệt giai cấp địa vị khi đứng trước pháp luật *pháp luật chính là tiêu chuẩn để phân biệt điều phải, điều trái*.

Trong quốc gia theo Hàn Phi Tử thì pháp luật phải là những quy tắc, chuẩn mực của mọi hành động, để tránh tình trạng vì lợi ích cá nhân hay vì nên tình riêng mà bẻ cong pháp luật thì việc coi pháp luật là thước đo, là quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo. Bằng phép tham nghiệm của mình ông đã chứng minh được việc không thể sử dụng nhân trị để quản lý xã hội *nhân trị không thể dùng để trị quốc*. Người làm chính trị phải đảm bảo được tính

công bằng của pháp luật chỉ có thể là người có lý trí mạnh mẽ, lạnh lùng, khách quan và công minh.

Ông nhấn mạnh vai trò của “thưởng – phạt” trong việc thực thi pháp luật. Bởi vì như ông đã nói, bản tính của con người vốn dĩ là tư lợi, vậy nên việc ban thưởng hậu hĩnh thì con người sẽ vui sướng mà làm những điều tốt nhiều hơn, hào hứng trong công việc, ham lập chiến công. Và cũng bởi vì bản tính con người là sợ uy quyền cho nên khi phạt nặng thì người dân ghê sợ mà đoạn tuyệt với những việc làm phạm pháp, khi phạt nặng kẻ xấu đó cũng là cách làm gương cho người dân thấy sợ mà không dám vi phạm nữa.

#### ***1.2.4. Lý luận về Thế***

Hàn Phi Tử đã tiếp thu “thế” từ Thận Đáo người đề cao yếu tố “thế” trong việc trị quốc của nhà vua, trong thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc, tình hình xã hội ngày càng hỗn loạn, nhà vua phải dùng quyền lực của mình xây dựng pháp luật quản lý nhân dân của mình, phải làm cho họ tuyệt đối tin tưởng và sử dụng pháp luật thì mới có thể thống nhất, ổn định được đất nước. Bản tính của con người là vụ lợi vì vậy nhà vua phải có “thế” thì mới chế ngự được mọi hành động, khuất phục được số đông mà không cần dựa vào kẻ khác. Thế theo Hàn Phi Tử chính là quyền lực, địa vị của nhà vua dùng để chế ngự bề tôi “nhà vua cầm cái quyền bính và giữ cái thế cho nên lệnh ban ra được thi hành và điều ngăn cấm khiến người ta thôi. Quyền bính là cái quyết định sống chết. Cái Thế là cơ sở để thắng đám đông”[29,524] như vậy, không có được cái Thế thì nhà vua không thể nào nắm được quyền hành pháp trong tay, không thể đưa pháp luật ra để trị dân, có được cái Thế thì mới có Pháp, vì nếu danh phận nhà vua mà bị hạ thấp thì kẻ dưới không nghe theo, không thể đưa Pháp vào trị quốc được, như thế thì không sớm muộn thì nhà vua cũng bị mất quyền lực. Do đó Thế và Pháp là hai yếu tố không thể nào tách rời nhau trong quá trình trị quốc của nhà vua.

Theo Hàn Phi Tử Thế thể hiện uy quyền của nhà vua, sức mạnh khuất phục được đám đông quần chúng, uy quyền nhà vua càng mạnh thì người dân càng phải nghe theo, không ai dám cãi lời thế nên theo ông Thế đóng vai trò quan trọng, những người có tài mà không nắm được cái Thế trong tay thì không thể nào khống chế được kẻ hư hỏng “Kiệt làm thiên tử thì có thể không chế thiên hạ. Không phải vì ông ta hiền nhưng cái thế của ông ta nặng. Nghiêu là kẻ thất phu thì không thể sửa đổi ba nhà. Không phải vì ông ta hư hỏng mà vì cái địa vị của ông ta thấp”[29,257]. Vai trò của cái Thế đóng vị trí vô cùng quan trọng trong việc duy trì uy quyền của nhà vua, nếu Nho giáo thì quyền lực của nhà vua là do trời ban chonên người được trao quyền lực là người có đạo đức và tài năng, là “thiên tử” do trời cử xuống để cai quản người dân, quyền lực ấy được chuyển giao tự nhiên và nhà vua có quyền truyền ngôi lại cho huyết thống của mình. Hàn Phi Tử còn cho rằng quyền lực của nhà vua cũng có thể giành được thông qua quá trình đấu tranh. Ông cho rằng, Thế không liên quan gì tới đạo đức và tài trí của con người, một ông vua bình thường nhưng có Thế thì có được muôn dân, trong đó có cả những người tài năng và cả những bậc thánh nhân cũng chịu sự quản lí của ông ta nên theo Hàn Phi Tử, vua duy trì được cái Thế của mình là cũng đủ cho việc trị nước, dùng được trí khôn của thiên hạ “vua Lỗ Ai Công là ông vua kém, thế nhưng khi quay mặt về phương nam làm vua một nước thì dân ở trong bờ cõi không ai là không làm tôi của ông. Đó là vì dân vốn phục tùng theo uy thế, uy thế rõ ràng dễ làm người ta phục tùng theo mình vậy. Cho nên Trọng Ni làm bầy tôi của ông ta, còn ông ta làm vua của Trọng Ni. Trọng Ni không phải thích cái nghĩa của nhà vua nhưng phải phục tùng cái thế của nhà vua”[29,546].

Quan niệm về cái Thế của Hàn Phi Tử đề ra như ở trên đã phân tích nó vốn dĩ không phải tự nhiên như trong chủ nghĩa nhân trị của các nhà Nho mà do nhu cầu để duy trì pháp trị bảo vệ quyền lợi cho nhà vua vì vậy việc bảo vệ

cái Thế của nhà vua là cái tất yếu, cái Thế của vua thì không thể nào cho kẻ khác mượn cũng không thể nào đánh mất bởi vì thiếu đi cái Thế chính là nhà vua làm mất đi cả thiên hạ của mình “cái thế mạnh là vực sâu của nhà vua. Bầy tôi là con cá của cái thế mạnh. Con cá đã rời khỏi vực thì không còn có thể bắt lại được nữa. Bậc làm vua chúa nếu bỏ mất cái thế mạnh của mình, trao nó cho bầy tôi thì không thể thu lại được nữa”[29, 295]. Nhà vua nhờ có uy quyền mà được người dân tôn thờ, vì vậy có quyền lực trong tay thì cần phải nắm chắc lấy nó nên dù là một ông vua bình thường mà cai quản đất nước thái bình, nhân dân ấm no là nhờ vào cái Thế của ông vua đó.

Muốn phát huy được cái Thế của mình trước hết phải xây dựng được hệ thống pháp luật vững chắc để củng cố uy quyền của mình, một nhà vua anh minh thì cần phải thu hút được người dân làm việc chăm chỉ, tận tâm với mình, vì nhà vua chỉ có một mình nắm quyền nên cần phải xây dựng được hệ thống tai mắt ở khắp nơi để biết hết mọi tình hình, giữ nghiêm kỉ luật, dựa vào việc thưởng phạt để không chế bề tôi. Con người mang trong mình bản tính vụ lợi nên chỉ có thể dùng thưởng phạt là biện pháp hữu hiệu nhất để dẫn dắt và ngăn cấm họ làm những việc xấu, tổn hại tới quốc gia.

#### ***1.2.5. Lý luận về Thuật***

Trong việc trị quốc, Hàn Phi Tử không coi trọng đạo đức của người lãnh đạo mà theo ông một người bình thường nếu duy trì được hiệu lực pháp luật cũng có thể làm nên nghiệp lớn. Vua chúa có nhiệm vụ làm cho dân làm theo đúng pháp luật, vua không trực tiếp cai trị người dân mà thông qua các tầng lớp quan lại để cai trị và để làm tốt việc trị nước nên nhà vua đó cần phải có “thuật” để trị quan lại.

Thuật của Hàn Phi Tử ở đây ta có thể hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất, Thuật là kỹ thuật, phương án tuyển dụng, xem xét khả năng của quan lại. Thứ hai, Thuật là tâm thuật, là mưu mô để chế ngự các quần thần, làm cho họ bộc lộ hết thâm ý của mình “Thuật là nhân trách nhiệm giao chức quan, theo tên



gọi mà yêu cầu sự thực. Nắm lấy cái quyền cho sống và giết chết, hiểu rõ năng lực của bầy tôi, đó là điều nhà vua nắm lấy”[29, 478]. Thuật đóng có vai trò vô cùng quan trọng, muốn duy trì được sự ổn định của xã hội, thực thi pháp trị thì nhà vua phải có Thuật. Thuật để vua điều khiển quan lại, trị dân theo các pháp lệnh mà nhà vua đã ban hành, trong khi Pháp phải được công bố rộng rãi trong nhân dân để mọi người có thể biết thì Thuật lại là những âm mưu, thủ đoạn của nhà vua cần phải nắm giữ không thể tiết lộ cho quan lại hay dân chúng biết được.

Nội dung của Thuật bao gồm việc dùng người, việc trừ gian, và vấn đề về thưởng phạt. Trong đó việc dùng người được ông quan tâm sâu sắc nhất, đối với ông việc trị nước nhà vua không thể một mình làm được mà phải thông qua bộ phận quan lại để điều khiển nhân dân, do đó việc xét người để dùng đóng vai trò quan trọng ông vận dụng thuyết “hình danh” để làm phương pháp trong Thuật lãnh đạo của người cầm quyền. Nhà vua đã giao chức vị cho một viên quan thì người đó phải tuân thủ pháp luật, làm đúng chức vị của mình. Từ dân cho đến quan mỗi người nhận thức rõ bổn phận của mình, không ai làm sai, vượt quá danh phận. Để xem xét người có làm đúng nhiệm vụ của mình hay không thì có thể kiểm tra thông qua quy tắc danh thực có hợp nhau hay không “Bậc vua chúa muốn ngăn cấm gian tà thì phải xem xét kĩ tên gọi và việc làm có hợp nhau không, phải xét việc làm có khác lời nói không”[29,65]

Nguyên tắc “vô vi” là quan niệm rất được coi trọng trong triết học Trung Hoa cổ đại, Khổng Tử là người đầu tiên dùng chữ vô vi trong “vô vi nhi trị” sau đó các nhà đạo gia mới là những người bàn tới nó nhiều hơn. Phải tới Hàn Phi Tử thì hai chữ “vô vi” được ông đưa vào cho Thuật dùng người của nhà vua, vua sử dụng sự im lặng, bình thản của mình để quan sát mọi hoạt động của các quan lại, nhận ra những tài năng của họ và có thể sử dụng người cho đúng mục đích. Vua im lặng quan sát từ đó mới có thể thăm dò, đánh giá

được bề tôi, còn kẻ bề tôi không đọc được suy nghĩ của vua thì sẽ an phận thủ thường, chấp hành pháp luật, “Quần thần quanh vua đã được sắp đặt đâu vào đấy thì vua cứ việc mở rộng cửa để đón những chính kiến và chính tích. Vua tôi đều ở vào vị trí thích hợp nên trên dưới yên ổn, có thể chẳng cần phải làm gì cả. Điều đó cũng giống như cứ để cho gà gáy báo trời, bắt mèo săn chuột; khi quần thần đều trở hết tài năng của mình thì vua ở trên ngai vàng có thể yên vị vô sự. Vua mà kiêu ngạo khoa trương, thích khoe khoang tài năng của mình thì văn võ bá quan sẽ dựa vào đó để nịnh hót, lấy lòng mà dối gạt vua, trật tự vua tôi sẽ rối loạn, đất nước sẽ không thể cai quản nổi”[29,68].

Vua là người cai trị đất nước, nhưng thông qua bộ phận quan lại để thực hiện quyền lực của mình. Bởi không trực tiếp giám sát mọi việc nên phải nghe báo cáo của các quan để nắm tình hình nên ông đặc biệt quan tâm tới phương pháp lắng nghe của nhà vua. Khi nghe bề tôi nói nhà vua không nên khen chê, để lộ suy nghĩ của mình tránh bị bề tôi đọc được suy nghĩ, vua phải trầm mặc “Đạo nghe người nói là làm ra vẻ ngây ngất như người say rượu. Răng ta, môi ta, ta không hé trước. Răng ta, môi ta, ta càng giữ yên. Như thế thì ta để cho họ tự nói trước. Ta nhân đó mà biết ý muốn của họ”[29,71]. Yêu cầu bề tôi có lời nói rõ ràng, có đầu, có cuối, lời nói phải thống nhất với nhau, có chứng cứ, bề tôi phải chịu trách nhiệm với lời nói của mình “Bậc vua chúa khiến kẻ làm tôi đã nói thì phải biết đầu mối của nó và đòi hỏi nó phải phù hợp với sự thực. Còn những người không nói thì nhà vua xét những điều họ cho là đúng và những điều họ không cho là đúng để bắt họ chịu trách nhiệm. Như vậy thì bọn bày tôi không ai dám nói bừa, mà cũng không ai dám im lặng, vì nói hay im lặng cũng đều phải chịu trách nhiệm cả”[29,155]. Khi nghe bề tôi nói thì vua phải kiểm chứng lời nói ở nhiều mặt trong thực tế, tham khảo ý kiến của nhiều người, tránh việc chỉ nghe từ một phía “cho nên nếu nghe lời nói mà không tham khảo những lời khác thì cái quyền bị bọn

gian chia mất. Nếu không dùng cái trí khôn ngoan của mình thì thế nào cũng bị bày tôi làm cho khôn cùng”[29, 525].

Vấn đề thưởng và phạt theo Hàn Phi Tử nhà vua dựa vào danh và thực thì mới ban thưởng cho đúng công và phạt cho đúng tội được. Theo Hàn Phi Tử thì nhà vua có hai cách để kiểm tra, thứ nhất là tự mình đi kiểm tra kết quả của bọn kẻ dưới làm, thứ hai là có thể dùng người mình tin tưởng cho người đó đi kiểm tra, thay mặt vua mà làm việc, người được vua cử đi thì cũng phải là người am hiểu và tuân thủ luật pháp “lấy danh trách thực”. Theo Hàn Phi Tử thì thưởng phạt chính là vũ khí của nhà vua, đặc quyền riêng của vua tạo nên cái Thế “sở dĩ con hổ có thể khiến con chó phục tùng nó là nhờ có nanh, có vuốt. Nếu con hổ bỏ nanh vuốt của nó đi mà trao cho con chó dùng thì con hổ ngược lại phải phục tùng theo con chó”[29,64]. Thưởng phạt là cái đánh vào tâm lý của kẻ hám lợi thông qua đó ta có thể lợi dụng nó, vì bề tôi thì sợ hình phạt và lại thích khen thưởng vì thế dùng hình để kẻ dưới khiếp sợ, làm theo. Thưởng phạt cũng cần phải giữ chữ tín làm đầu, trong pháp luật thì không có sự khoan nhượng và thi hành nhân nghĩa mà phải thực hiện nghiêm pháp luật “tiếc cỏ tranh thì làm hại cho bông lúa, thương trộm cướp thì hại dân lành. Nay hình phạt nhẹ, thi hành khoan dung ân huệ, như thế là lợi cho bọn gian tà và làm hại đến người lương thiện”[29, 431].

#### ***1.2.6. Mối quan hệ giữa Pháp - Thế - Thuật***

Nội dung cơ bản của trường phái Pháp gia là đề cao vai trò của pháp luật và chủ trương dùng pháp luật hà khắc để trị nước và Hàn Phi Tử là người đầu tiên có công tổng hợp ba yếu tố Pháp - Thế - Thuật trong việc trị nước. Theo ông việc vận dụng tốt ba yếu tố này thì việc trị nước sẽ đạt hiệu quả, đất nước thái bình, “quốc phú binh cường”. Các yếu tố Pháp - Thế - Thuật có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau không thể tách rời. Ba yếu tố hội tụ tạo nên tư tưởng Pháp trị đầy đủ.

*Thế - Pháp:*

Để trị vì được thiên hạ, nhà vua phải là người nắm giữ được quyền thế, thi hành pháp luật nghiêm minh. Trong đó, Thế là điều kiện tất yếu tạo ra Pháp, nhà vua phải dựa vào Thế của mình để ban hành pháp luật buộc bề tôi phải nghe theo, nhờ có Thế mà pháp luật ra đời và đi vào đời sống. Mức độ pháp luật được thi hành hiệu quả đến đâu là do cái Thế của nhà vua, cái Thế mạnh thì pháp luật mạnh, cái Thế yếu thì không đủ sức sai khiến bề tôi nghe theo, cho nên “Bậc thánh nhân dù có đức như Nghiêu, Thuấn, có hạnh như Bá Di, nhưng địa vị không bao trùm được đời thì cái công không thành mà cái danh không nên được”[29,258]. Cái Thế được thể hiện thông qua việc nhà vua phải là người duy nhất có quyền ban hành luật pháp và nắm quyền thưởng phạt trong tay, dùng quyền đó khống chế bày tôi nâng cao địa vị của mình.

Nếu như Thế là điều kiện tạo ra Pháp thì Pháp lại là yếu tố để duy trì và củng cố vị trí của Thế. Nhà vua có cái Thế mạnh mà không biết vận dụng Pháp đúng đắn thì cái Thế biến nhà vua trở thành kẻ tàn bạo, thô lỗ. Do đó, Pháp cần phải được sử dụng hiệu quả, đúng đắn thì người trên được tôn trọng, kẻ dưới không hờn oán. Pháp và Thế được nhà vua sử dụng thông qua sự thưởng, phạt nghiêm minh, thưởng thì hậu, phạt thì nặng, giúp vua nâng cao uy quyền của mình dùng hết năng lực của bày tôi nên nhà vua phải nắm chắc trong tay mà không thể cho bề tôi mượn được, Hàn Phi Tử viết: “Ông vua dùng hình phạt và ân đức để khống chế bày tôi, nay ông vua bỏ hình phạt và ân đức của mình để trao cho bày tôi sử dụng thì ông vua sẽ bị bề tôi khống chế”[29,64].

Giữa Pháp và Thế có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau vì vậy, Thế giúp nhà vua xây dựng pháp luật, khi Pháp đem vào sử dụng trong đời sống mà được người dân chấp nhận thì cái Thế của nhà vua cũng từ đó mà nhân lên nên trong việc trị nước, nhà vua phải nêu cao pháp luật và quyền thế “giữ

pháp luật ở vào cái thế trị an, nếu họ từ bỏ pháp luật, gạt bỏ cái thế thì loạn”[29,472].

#### *Thuật – Thế:*

Thuật được tạo nên để trở thành yếu tố bảo vệ cho Thế, nhà vua sử dụng Thuật tốt có thể lựa chọn cho mình được hệ thống quan lại có đủ năng lực, thực thi các mệnh lệnh của nhà vua, cai trị dân chúng, làm cho cái Thế của vua càng được nâng lên. Ông vua theo Hàn Phi Tử có thể là một người bình thường nhưng nắm được cái Thuật thì có thể tuyển chọn được những người tài năng, chịu phục tùng trước uy quyền của nhà vua, ngày càng củng cố cái Thế vững chắc của mình. Vua dùng Thuật để cai trị dân, chế ngự quần thần nên không thể cho họ thấy được cảm xúc, những suy nghĩ thật của mình. Luôn giữ chắc cái Thuật đề cao cái Thế thì công việc trị quốc sẽ không mất thì giờ mà còn có thể trở nên an nhàn: “Một mình không chế cả trong bốn biển, những kẻ khôn khéo không thể trở cái gian dối của họ. Những kẻ hiểm trá không thể đưa cái nịnh hót ra. Bọn gian tà không có nơi dựa. Kẻ ở xa ngàn dặm không dám đổi lời. Kẻ có cái thế ở gần làm lang trung không dám che cái hay, tô vẽ cái sai. Quan ở dưới trong triều đình đều không dám vượt quyền nhau”[29,61].

Muốn trị nước, thi hành luật pháp nghiêm minh thì trước hết nhà vua phải có Thế, nhưng ngược lại, nhà vua không muốn mất đi cái Thế của mình thì phải có Thuật nắm giữ, Thuật dùng người của nhà vua có vai trò quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự bền vững của một quốc gia. Vua dùng cái Thế của mình mà trị quan lại, bộc lộ uy quyền “phải dựa vào cái thế uy nghiêm để làm khôn khổ bọn bày tôi gian dối”[29, 133].

#### *Pháp – Thuật*

Pháp và Thuật mang trong mình những tính chất đối lập nhau, theo Hàn Phi Tử, Pháp phải là thứ được đem ra công bố rộng rãi cho người dân

biết đến thì Thuật lại là thủ đoạn mà nhà vua phải ngấm giấu đi không cho kẻ khác thấy được. Nhưng Pháp và Thuật lại gắn bó không thể tách rời nhau, nhà vua cần phải biết kết hợp hài hòa giữa Pháp và Thuật trong việc trị nước của mình “nhà vua không có thuật trị nước thì ở trên bị che đậy, bày tội mà không có pháp luật thì cái loạn sinh ra ở dưới. Hai cái không thể thiếu cái nào, đó đều là những công cụ của bậc đế vương”[29,479].

Pháp là ý chí của nhà vua trong việc cai quản đất nước của mình, muốn ý chí ấy được thực hiện thành công thì vua cần phải dùng đến Thuật, tuyển chọn người thực thi pháp luật mà nhà vua ban hành, dùng Thuật nhận biết và kiểm soát bề tôi làm theo ý muốn của mình. Nhà vua dù có Pháp mạnh đến đâu mà không biết dùng đến Thuật trị nước thì một mình không thể khống chế được bày tôi giống như Thương Ưởng, tuy dùng pháp chế mạnh nhưng chưa biết vận dụng Thuật nên vẫn bị bày tôi lợi dụng chỗ sơ hở mà làm loạn “Thương Quân tuy làm mọi cách tô vẽ cho pháp luật của mình nhưng bày tôi lại dùng nó một cách sai trái cho việc riêng của họ. Cho dù dựa vào cái cơ sở của nước Tần mạnh trong mấy mươi năm vẫn không đạt đến đế vương. Đó là mối lo pháp luật tuy được các quan chăm chỉ tra dồi nhưng ở trên vẫn không có cái thuật trị nước”[29,481]. Ngược lại, việc dùng Thuật tốt nhưng lại không biết kết hợp với Pháp thì cũng không thể đạt được hiệu quả gì “như vậy thì tuy Thân Bất Bại mười lần khiến Hàn Chiêu hầu dùng thuật, nhưng bọn gian thần vẫn còn cách đưa ra lời dối trá. Cho nên tuy dựa vào nước Hàn mạnh có vạn cỗ xe mà trong mười bảy năm vẫn không thể đạt được địa vị bá vương. Như vậy tuy ở trên dùng thuật trị nước nhưng có mối lo các quan không tra dồi pháp luật”[29,479]

Như vậy, Hàn Phi Tử là người đã nhận rõ được vai trò của việc kết hợp các yếu tố Pháp - Thế - Thuật trong việc trị nước. Không có một trong ba yếu tố này thì những yếu tố còn lại không thể phát huy hết vai trò của mình. Thế

là cái bảo đảm cho việc thi hành Pháp, Thuật dùng để củng cố, bảo vệ cho Thế, Pháp chính là tiêu chuẩn cho Thế và Thuật, tránh sự mất cân bằng, bất công trong xã hội. Mọi quan hệ biện chứng giữa ba yếu tố không thể tách rời nhau tạo nên tư tưởng pháp trị đầy đủ nhất mà các nhà pháp gia đi trước vẫn còn để ngỏ.

### **1.3. Đánh giá tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử**

#### ***1.3.1. Giá trị tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử***

Tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử ra đời phù hợp với hoàn cảnh xã hội đương thời. Trong thời buổi loạn lạc triền miên, các quốc gia đang đua tranh thể hiện sức mạnh để tranh quyền, tranh bá. Nhân dân trong hoàn cảnh loạn lạc, dân số tăng nhanh nhưng điều kiện vật chất không đáp ứng đủ nhu cầu con người. Khiến cho đạo đức ngày càng sa sút. Đòi hỏi đặt ra lúc này là phải có một thanh gươm chuyên chế, phải có pháp trị thật mạnh mới có thể thống nhất được quốc gia. Và Tần Thủy Hoàng là người đã thu phục được sáu nước và thống nhất thành một Trung Quốc rộng lớn cũng bởi sử dụng hiệu quả tư tưởng Pháp trị, tuy nhà Tần không tồn tại lâu dài bởi những mặt hạn chế của tư tưởng Pháp trị nhưng chúng ta cũng phải đánh giá khách quan những thành tựu mà tư tưởng đã đem lại.

Trong thời buổi loạn lạc triền miên đó các tư tưởng chính trị nở rộ, và phát triển, nổi bật lên là hai trường phái tiêu biểu với một là tư tưởng của Nho giáo với chủ trương sử dụng nhân trị và Pháp gia với chủ trương sử dụng pháp trị. Các nước chủ trương nhân trị đề cao đạo đức nho giáo thì đất nước suy yếu, chỉ có nước Tần theo pháp trị trở nên mạnh nhất và thống nhất các nước. Chủ trương Nho giáo trong giai đoạn này thực chất là với mong muốn củng cố lại quyền lực của nhà vua, khôi phục lại đạo đức lễ giáo, với sự phân biệt tiểu nhân – quân tử, người sang – kẻ hèn, theo thuyết “chính danh” để phân chia thành những tầng lớp khác nhau. Theo Khổng Tử thì kẻ tiểu nhân

có học, có cô gắng đến mấy thì cũng không thể so sánh với người quân tử, ông nói “lễ không xuống đến thứ dân, hình không lên đến đại phu”. Ngược lại với những quan niệm của Nho gia, Hàn Phi Tử với thuyết “hình danh” đã xóa bỏ đi đẳng cấp đưa con người tới trước pháp luật, ở đó mọi người đều bình đẳng như nhau. Đây là một tư tưởng tiên bộ thời cổ đại .

Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử mang tính duy vật, biện chứng chất phác nhưng triệt để nhất trong lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại. Tư tưởng pháp trị lấy pháp luật là quy chuẩn, làm gốc trong mọi việc. Pháp luật trở thành tiêu chuẩn để đánh giá, phân định phải trái, tốt xấu, đúng sai, là tiêu chuẩn để phân định danh phận. Ông là người ủng hộ tư tưởng “tôn quân” của Nho giáo nhưng ông cũng không lấy tư tưởng vua là thiên tử để thần thánh hóa vai trò của nhà vua trong việc cầm quyền. Mọi việc con người làm trong cuộc sống đều là do chính bản thân con người quyết định chứ không do trời, đất, quỷ thần hay một đấng cao siêu nào xui khiến cả. Ông phê phán việc bói toán cũng như cầu đảo quỷ thần trong việc trị quốc, đề cao vai trò của con người có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách, việc tin vào quỷ thần là không gì ngu bằng “mai rùa, cỏ thi, quỷ thần không đủ để đánh thắng, không phải các sao ở bên trái, bên phải, trước mặt, sau lưng đủ để quyết định việc đánh. Thế mà nhờ cậy vào đó không gì ngu bằng”[29,159].

Hàn Phi Tử chính là người đã có công khi tổng hợp được cả ba yếu tố “pháp”, “thế”, “thuật” của các tư tưởng pháp gia trước đó nâng vị thế pháp gia lên ngang tầm với Nho gia, Đạo gia, Mặc gia và những trường phái đương thời. Pháp gia từ đây có sự thống nhất của ba yếu tố pháp - thế - thuật tạo nên một sức mạnh vô cùng to lớn trong việc trị quốc. Việc xây dựng và ban hành pháp luật phải tuân thủ những nguyên tắc: Pháp luật phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ thi hành, pháp luật phải thống nhất, ổn định và phù hợp với hoàn cảnh xã hội, pháp luật phải được giáo dục và phổ biến cho mọi người dân. Việc thực thi



pháp luật cũng phải bảo đảm tính công minh, bình đẳng, “pháp bất vị thân”. Thực thi pháp luật đòi hỏi phải nghiêm minh, “thưởng hậu, phạt nặng”.

Phương pháp dùng người của ông khác với Nho giáo, không chọn người theo kiểu dòng dõi, quan hệ mà phải lựa chọn người tài, không phân biệt sang hèn. Bổ nhiệm người căn cứ vào công lao, cân nhắc tài năng mà trao nhiệm vụ. Đội ngũ quan lại, những người trực tiếp thi hành pháp luật theo ông, phải tôn trọng pháp luật, giữ gìn pháp luật. Đánh giá năng lực quan lại thông qua kết quả công việc, “danh phải phù hợp với thực”. Tuyển chọn, bổ nhiệm quan lại trên cơ sở khảo sát nhiều mặt, kiểm chứng lời nói và hành động. Sử dụng, kiểm tra, giám sát đội ngũ quan lại trên cơ sở pháp luật, thực hiện “thưởng hậu, phạt nặng”, không chủ trương kiêm chức, chống tình trạng lạm quyền, vượt quyền tránh tình trạng tham nhũng. Ông cho phép người dân được bàn về cái công việc của các quan lại, chỉ ra cái sai của người trên. Đó là mầm mống của tư tưởng dân chủ đã có trong thuyết Pháp trị.

### ***1.3.2. Hạn chế của tư tưởng Pháp trị Hàn Phi Tử***

Thực tiễn Nhà nước pháp trị đời nhà Tần đã chứng minh được những mặt đạt được và cả những hạn chế của tư tưởng của trường phái pháp gia nói chung và tư tưởng của Hàn Phi Tử nói riêng, Hàn Phi Tử đã nhấn mạnh tới việc dùng quyền uy, pháp luật trong việc trị nước nó phù hợp với việc tái lập trật tự xã hội cho một xã hội đang bị chia rẽ, loạn lạc và mất ổn định đương thời, chính việc sử dụng pháp trị mà Tần Thủy Hoàng đã thống nhất được Trung Quốc và trở thành một quốc gia rộng lớn, nhưng nó lại mang tính chất cực đoan khi phủ nhận vai trò của đạo đức trong việc điều chỉnh xã hội, coi thường yếu tố con người trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước, vì vậy, mà sau khi thống nhất được quốc gia nhưng nhà Tần chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn thì sụp đổ với nhiều bất cập. Vấn đề pháp gia mất đi địa vị độc tôn của mình là do tư tưởng pháp trị vẫn còn tồn tại nhiều điểm quá cực đoan.

Tư tưởng pháp trị đã đồng nhất việc cai trị dựa trên pháp luật với việc cai trị dựa vào các hình phạt nghiêm khắc. Quan niệm về pháp luật của Pháp gia nói chung và Hàn Phi Tử nói riêng quá máy móc và cứng nhắc, hoàn toàn không có tính đàn hồi trong việc sử dụng pháp luật, quá nghiêm khắc đối với dân chúng. Coi các điều khoản pháp luật chính thức là hình thức duy nhất phù hợp với pháp luật, hoàn toàn bỏ qua nhân tố luật tập quán, luật lệ riêng của từng vùng miền, thay vào đó là luật chung của nhà nước thống nhất từ trên xuống dưới đã gây ra những bất mãn cho người dân và không phục triều đình. Hàn Phi Tử còn phủ nhận vai trò của lịch sử trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, hình phạt quá nặng làm dân vì tư lợi mà oán kẻ cầm quyền, càng dùng hình phạt nặng thì kẻ dưới oán người trên càng nhiều, đến khi hình phạt làm người ta không thể sinh tồn nổi thì dân phải vùng lên để tìm đường sống.

Hàn Phi Tử đề ra chủ trương kiểm soát quan lại với nhau. Tức là phải làm cho quan lại vì lợi ích lâu dài mà phải trung thành với vua, chứ không mong gì tính trách nhiệm hay lòng yêu nước của họ. Hàn Phi Tử khuyên vua không nên tin quan lại mà chỉ cần cho họ quyền lợi, quan lại sẽ vì bảo vệ quyền lợi của họ mà bảo vệ vua. Tư tưởng pháp gia đánh vào lòng tham danh lợi của con người vì Hàn Phi Tử biết rằng nếu xây dựng ý thức hệ dựa trên lòng trung thành, lòng nhân ái của Khổng Tử, Lão Tử thì nhà nước khó đứng vững. Đó là lý do xây dựng lực lượng quan lại điều hành nhà nước mà không cần có nhân nghĩa, không cần phải là người hiền tài. Bên cạnh đó về văn hoá, Hàn Phi Tử chủ trương kiểm soát tư tưởng quần chúng, các đề tài về pháp luật, nhà nước, không được bàn cãi, chê bai.

Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử tuy đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội, pháp luật có tính khách quan, phổ biến, công bằng. Tuy nhiên, nó vẫn thiếu tinh thần pháp luật là tối thượng khi ông cho rằng vua là người

lập pháp và quyền hành pháp, tư pháp cũng thuộc về tay vua. Như vậy, luật pháp đặt ra không phải để bảo vệ con người mà vẫn là công cụ của tầng lớp cai trị.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Tư tưởng Hàn Phi Tử được hình thành và phát triển trong thời kì xã hội có những diễn biến phức tạp cả về kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội. Khắp thiên hạ đều loạn lạc, chiến tranh xảy ra liên miên giữa các nước chư hầu hòng giành địa vị bá chủ, trật tự xã hội bị đảo lộn. Niềm khao khát của con người lúc bấy giờ chính là làm thế nào để thiên hạ thái bình, trật tự xã hội ổn định. Lúc này nhiều nhà tư tưởng với những học thuyết khác nhau xuất hiện ngày càng nhiều, nổi bật trong đó là tư tưởng của Hàn Phi Tử với chủ trương dùng pháp trị trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức của con người, duy trì ổn định xã hội.

Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử được xây dựng trên những tiền đề lịch sử, xã hội nhất định. Sinh ra bối cảnh xã hội có nhiều biến động lúc bấy giờ, ông mong muốn góp sức của mình vào trong việc xây dựng một quốc gia ngày càng giàu mạnh, tránh được những mối nguy hại từ bên ngoài. Ông theo học thầy Tuân Tử, người lấy “lễ pháp” là hạt nhân trong tư tưởng của mình, nhận thấy những giá trị to lớn của pháp trị trong xây dựng đất nước ông đã lựa chọn trường phái pháp gia, từ đây, học thuật của ông không chỉ là tập đại thành tư tưởng của pháp gia mà còn thu nhận được những giá trị của các nhà tư tưởng đương thời như tư tưởng “tôn quân”, “chính danh” của Nho gia, tư tưởng “đạo”, “đức” của Đạo gia đặc biệt là tư tưởng “tính ác” của Tuân Tử. Ông đại diện nổi bật nhất trong phái pháp gia vì là người biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố về Pháp - Thế - Thuật trong việc trị nước cũng như dùng người, nâng vị thế trường phái pháp gia lên tầng cao mới, đại diện cho tầng lớp tiểu tư sản mới lên đứng lên chống lại những tàn dư của chế độ nô lệ cũ, của những tư tưởng bảo thủ, trì trệ lúc bấy giờ, khiến cho người tài giỏi như

Gia Cát Lượng cũng phải ba lần chép lại sách của Hàn Phi Tử để dạy học cho con trai của Lưu Bị.

Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử ra đời cách đây hàng ngàn năm nhưng vẫn có những giá trị tích cực với thời đại ngày nay. Tư tưởng duy vật biện chứng chất phác của Hàn Phi Tử bác bỏ đi những hình thức cầu viện tới thần thánh, ma quỷ, đề cao giá trị của con người trong thực tiễn. Với quan niệm về sự tiến hóa về lịch sử của Hàn Phi Tử cho chúng ta những bài học về việc “thời biến pháp biến” cũng như vai trò quan trọng của ông trong việc là người tập đại thành tư tưởng của các nhà pháp gia, nâng cao tư tưởng trường phái pháp gia lên một tầng cao mới ngang hàng với các tư tưởng đương thời. Tuy nhiên tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử cũng không tránh khỏi những hạn chế về điều kiện lịch sử xã hội và chịu sự chi phối của lợi ích giai cấp đương thời.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kim Bình (2008), *Tư tưởng trị nước của pháp gia và vai trò của nó trong lịch sử*, Tạp chí khoa học công nghệ đại học Đà Nẵng, số 3, tr 134-139
2. Bộ tư pháp (2004), *Dự thảo đề án chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội
3. Bộ chính trị (2005) *Nghị quyết số 48NQ/TW ngày 25/4/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội
4. Du Vinh Căn (2002), *Tổng quan tư tưởng pháp luật Nho gia*, Nxb Nhân dân Quảng Tây, Trung Quốc
5. Nguyễn Trọng Chuẩn (2015), *Một số giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí triết học, số 4, tr3-10
6. Vũ Kim Dung (2002), *Tư tưởng Hàn Phi*, LA TS Triết học
7. Vũ Kim Dung (2003), *Vài nét ảnh hưởng tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi trong lịch sử Việt Nam*, Tạp chí luật học số 3, tr 37-39
8. Nguyễn Đăng Dung (2015), *Nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa ba quyền theo tinh thần của hiến pháp năm 2013*, Tạp chí nhà nước pháp luật số 3, tr 3-11
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011

11. Trần Ngọc Đường (2005), *Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, số 5.
12. Lương Đình Hải (2006), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền và vấn đề dân chủ hóa xã hội ở nước ta hiện nay*, Tạp chí triết học số 1(176), tr 5-9
13. Vũ Khiêu (1995), *Đức trị và Pháp trị trong Nho giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
14. Nguyễn Hiến Lê (1997), *Sử Trung Quốc*, tập 1, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
15. Nguyễn Hiến Lê (1994), *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
16. Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi (1994), *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
17. Phan Trung Lý (2011), *Quốc hội Việt Nam tổ chức, hoạt động và đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
18. Phan Trung Lý (2011), *Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
19. Trương Văn Huyền, (2013), *Tư tưởng chính trị Hàn Phi Tử*, LA TS Triết học
20. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Đinh Văn Mậu(1997), *Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý*, Nxb TP Hồ Chí Minh
22. Hồ Chí Minh toàn tập (1995), tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Hồ Chí Minh toàn tập (2000), tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
24. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
25. Đỗ Đức Minh(2010), *Hàn Phi Tử-người sáng lập học thuyết pháp trị Trung Hoa cổ đại*, Tạp chí luật học số 3, tr33-41
26. Nguyễn Văn Niên (1996), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - Một*

- số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
27. Lê Hữu Nghĩa (2006), *Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kì đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
28. Hoàng Văn Nghĩa (2014), *Một số vấn đề lý luận về nhà nước pháp quyền và giá trị tham khảo đối với Việt Nam*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 2
29. Phan Ngọc (dịch) (2001), *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn học, Hà Nội.
30. Dương Xuân Ngọc chủ biên (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
31. Nguyễn Như Phát, Phạm Hữu Nghị (2010), *Nâng cao tính pháp quyền của nhà nước vì mục tiêu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 4
32. Nguyễn Hữu Phước (2015), *Bốn nguyên tắc dùng pháp của trường phái pháp gia và ý nghĩa hiện thời của nó*, Tạp chí triết học số 3, tr 70-78
33. Nguyễn Văn Quân (2015), *Nhà nước pháp quyền – nhận thức của cộng đồng quốc tế*, tạp chí nhà nước và pháp luật số 7, tr 73-77
34. Hoàng Kim Quế chủ biên (2005), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội
35. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
36. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội
37. Bùi Ngọc Sơn (2004), *Triết lý chính trị Trung Hoa cổ đại và vấn đề Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
38. Trí Tuệ (2003), *Hàn Phi Tử - tư tưởng và sách lược*, Nxb Đất mũi Cà Mau
39. Đoàn Trọng Tuyển (2007), *Cải cách hành chính và công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb tư pháp



- 40.Nhữ Thành(dịch), *Sử kí Tư Mã Thiên* (2007), Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội
- 41.Trần Thành (2009), *Một số vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội
- 42.Nguyễn Văn Thảo chủ biên (1997), *Về Nhà nước pháp quyền XHCNViệt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- 43.Kiều Bách Vũ Thuận, Trần Trọng Sâm (dịch) (2003), *Tứ thư*, Nxb quân đội nhân dân, Hà Nội.
- 44.Đào Trí Úc chủ biên (2005), *Xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội
- 45.Đào Trí Úc, Trịnh Đức Thảo (chủ biên),( 2013), *Một số vấn đề về lý luận thực tiễn về dân chủ trực tiếp và dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội
- 46.Nguyễn Thúy Vân (2013), *Khái niệm nhà nước pháp quyền từ cách tiếp cận triết học*, Tạp chí triết học, số 9
- 47.Nguyễn Thúy Vân (2006), *Mấy suy nghĩ về việc đổi mới ý thức pháp luật ở nước ta hiện nay*, Tạp chí triết học, số 10
- 48.Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (1998), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội
- 49.Luật số 17/2008/QH12 của Quốc hội, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật [http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=70677&category\\_id=0](http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=70677&category_id=0) [Ngày truy cập:5 tháng 11 năm 2015]